

Số: /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2024

DỰ THẢO**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ
(SỬA ĐỔI)**

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Ngày 30/8/2021, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Theo Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) được giao chủ trì thực hiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử (NLNT).

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW (kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021). Thực hiện nhiệm vụ được Kế hoạch giao, Bộ KH&CN đã tiến hành nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật NLNT 2008 và báo cáo Chính phủ (Báo cáo số 684/BC-BKHCN ngày 31/3/2023). Trên cơ sở Báo cáo này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ KH&CN trình Chính phủ Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (Công văn số 2850/VPCP-PL ngày 08/5/2022).

Chính phủ cũng đã đề nghị đưa Luật NLNT 2008 (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2026 (Báo cáo số 277/BC-CP ngày 16/8/2022 của Chính phủ gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: Tại Phụ lục IV. *Một số nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, lĩnh vực năm 2024* ban hành kèm theo Nghị quyết, Mục II. *Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh*, Bộ KH&CN được giao Nhiệm vụ số 61

về lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi), tiến độ trình Chính phủ tháng 7/2024.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Trên cơ sở những căn cứ này, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chi tiết lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi) (kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-BKH&CN ngày 15/8/2023), trong đó, Bộ KH&CN đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách của Đề nghị xây dựng Luật với các nội dung chính sau đây:

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

I. BỐI CẢNH LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ NĂM 2008 (LUẬT NLNT)

Luật Năng lượng nguyên tử được Quốc hội Khóa XII (kỳ họp 3) thông qua ngày 03/6/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) và Luật Phòng thủ dân sự (Luật số 18/2023/QH15 ngày 20/6/2023). Luật NLNT bao gồm 11 Chương, 93 Điều, quy định về các hoạt động trong lĩnh vực NLNT và các yêu cầu bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân cho các hoạt động đó. Luật NLNT áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam. Với vai trò là đạo luật gốc trong lĩnh vực chuyên ngành đặc thù, Luật NLNT đã thể chế hoá chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong phát triển ứng dụng NLNT phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng, hội nhập quốc tế phù hợp với điều kiện trong nước và bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ.

Các chính sách phát triển ứng dụng NLNT, bảo đảm an toàn, an ninh đã được thể chế hóa bằng pháp Luật NLNT, bao gồm:

- (1) Đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học công nghệ (KH&CN).
- (2) An toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân.
- (3) Quản lý cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân.

- (4) Thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ.
- (5) Quản lý vận chuyển và nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân.
- (6) Phát triển dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.
- (7) Khai báo và cấp phép.
- (8) Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.
- (9) Bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân.

Phát triển ứng dụng NLNT về cơ bản bao gồm hai cấu phần chính là: (1) phát triển năng lượng (điện) hạt nhân và (2) phát triển ứng dụng năng lượng bức xạ (ứng dụng bức xạ).

Về *phát triển điện hạt nhân*: cụ thể hóa đường lối của Đảng, Chính phủ đã trình Quốc hội khóa XII thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận (Nghị quyết số 41/2009/QH12 ngày 25/11/2009). Trong giai đoạn 2010-2015, các công tác chuẩn bị cho việc xây dựng hai nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận đã được tích cực chuẩn bị, bao gồm việc ban hành hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân, chương trình đào tạo nhân lực về công nghệ nhà máy điện hạt nhân và an toàn hạt nhân tập trung tại 05 trường đại học lớn của đất nước, đồng thời đã gửi hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại Liên bang Nga, một số tại Nhật Bản (là hai đối tác quốc tế của dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2) nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc triển khai dự án điện hạt nhân này. Tuy nhiên, vì một số lý do, ngày 22/11/2016 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

Ứng dụng bức xạ đã được triển khai ở Việt Nam cách đây hơn một thế kỷ, với máy chụp X-quang và nguồn phóng xạ Ra-đi điều trị ung thư. Trong hơn 20 năm trở lại đây ứng dụng bức xạ ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ, đóng góp hiệu quả trong phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt ở một số lĩnh vực then chốt như công nghiệp, y tế, nông nghiệp và tài nguyên môi trường. Hiện nay, theo thống kê, trên cả nước có khoảng 1.800 cơ sở bức xạ, một số cơ sở hạt nhân trực thuộc Viện NLNT Việt Nam trong đó Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đang quản lý, vận hành an toàn 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500 kW ứng dụng cho nghiên cứu vật lý hạt nhân, vật lý bức xạ, kỹ thuật phân tích hạt nhân, công nghệ bức xạ và đặc biệt sản xuất một số đồng vị phóng xạ cho y tế. Việt Nam đang nghiên cứu triển khai dự án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu khoa học và công nghệ hạt nhân với lò phản ứng nghiên cứu đa mục tiêu công suất 10 MW, dự kiến địa điểm tại Long Khánh, Đồng Nai.

Chính phủ tiếp tục khẳng định chính sách coi trọng ứng dụng NLNT vào việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 22/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiệm vụ lập *Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT thời*

kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 22/01/2021).

Trong thời gian qua, Luật NLNT đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong lĩnh vực NLNT. Nhìn chung, Luật này đã góp phần thúc đẩy sự phát triển KH&CN nói chung và lĩnh vực NLNT nói riêng.

Cùng với sự phát triển của ứng dụng NLNT, bên cạnh lợi ích to lớn, chúng ta cũng phải đối mặt với các thách thức, nguy cơ liên quan đến quản lý an toàn, an ninh các nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, chiếu xạ y tế và công nghiệp, khai thác và chế biến quặng phóng xạ, quản lý chất thải thải phóng xạ; các yêu cầu tăng cường năng lực chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân (bao gồm cả sự cố xuyên biên giới); tuân thủ các cam kết về không phổ biến hạt nhân, chống buôn bán, vận chuyển trái phép vật liệu phóng xạ, vật liệu hạt nhân; tuân thủ yêu cầu về thanh sát hạt nhân với Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

Đây không chỉ là vấn đề của riêng đất nước, mà còn là vấn đề toàn cầu, nhất là trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng và đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế về NLNT, an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân.

II. CÁC BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG QUY ĐỊNH CỦA LUẬT NLNT

Trong hơn 15 năm triển khai thực hiện, bên cạnh vai trò, tác động và đóng góp lớn của Luật NLNT trong việc hình thành công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn, an ninh, phát triển bền vững ứng dụng NLNT vì hòa bình, tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì một số quy định pháp luật về NLNT đã bộc lộ bất cập, hạn chế về yêu cầu quản lý, sự đồng bộ với một số luật mới ban hành và sự phù hợp với các yêu cầu, hướng dẫn mới của IAEA; phát sinh sự chòng chéo trong chức năng quản lý của một số bộ ngành; một số quy định thiếu tính khả thi; chưa đáp ứng hoặc theo kịp sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ. Vì vậy, Luật NLNT 2008 cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

II.1 Các quy định còn thiếu

a) Quy định về thanh sát hạt nhân:

Điều 10 Luật NLNT quy định về Kiểm soát hạt nhân, thực chất là quy định về *thanh sát hạt nhân*. Trong thời gian qua Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ theo Hiệp định Thanh sát, các hoạt động liên quan đều sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân (Nuclear safeguards)* – là *thuật ngữ chuẩn của IAEA*. Tuy nhiên, tại thời điểm xây dựng dự thảo Luật có những ý kiến khác nhau về việc sử dụng thuật ngữ này. Vì vậy, thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* đã được thay bằng thuật ngữ *kiểm soát hạt nhân*. Việc sử dụng “*kiểm soát hạt nhân*” đã bộc lộ bất cập, vì có thể hiểu *kiểm soát hạt nhân (nuclear control)* gồm cả an toàn hạt nhân, an ninh nhân. Vì vậy, cần trở lại sử dụng thuật ngữ *thanh sát hạt nhân* một cách đúng nghĩa theo

thông lệ quốc tế, đồng thời trong Luật NLNT (sửa đổi) cần thiết kê một Chương riêng về thanh sát hạt nhân.

b) Quy định về chính sách quốc gia dài hạn về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng

Quy định trách nhiệm quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, cơ sở lưu giữ quốc gia, kho nguồn phóng xạ quốc gia cùng với nguồn và cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) cho việc quản lý tập trung, chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ ngoài sự quản lý, cùng với cơ quan có thẩm quyền quy định cơ chế bảo đảm tài chính này.

c) Quy định về thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT

Luật NLNT hiện hành mới chỉ có 01 khoản giao trách nhiệm cho cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền (Khoản 4 Điều 8). Tuy nhiên theo thông lệ về bố cục của Luật Việt Nam và hướng dẫn của IAEA (Sổ tay Luật Hạt nhân năm 2010) thì cần có các quy định chi tiết về thẩm quyền của cơ quan thanh tra, thanh tra viên nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù, phản ứng nhanh của cơ quan thanh tra trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

d) Quy định về ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân

- Trách nhiệm của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Mọi quan hệ giữa kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh và kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia. Việc tích hợp kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh vào kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia.

- Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân xuyên biên giới.

e) Quy định cơ chế thực hiện các điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam đã tham gia (quy định nội luật hóa)

II.2. Các quy định chưa hoặc không còn phù hợp

a) Quy định về chính sách tập trung đầu tư, tạo điều kiện phát triển điện hạt nhân (Khoản 1 Điều 5) chưa phù hợp hoàn toàn với đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước hiện nay là cần chú trọng đẩy mạnh ứng dụng NLNT phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự xã hội.

b) Quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với các công ước quốc tế liên quan:

Quy định tại Luật NLNT về tổng mức bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR. Điều này không phù hợp với quy định tại các Công ước quốc tế về bồi thường thiệt hại hạt

nhân là 300 SDR hoặc 700 SDR.

c) Quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép:

- Điểm b khoản 2 Điều 73: Chưa quy định cơ quan có thẩm quyền ban hành Danh mục nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ không phải xin cấp giấy phép

- Điểm b khoản 1 Điều 77 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế là không phù hợp, chỉ cần giao cho Sở Khoa học và Công nghệ vì đây là hoạt động cấp phép có tính chuyên môn sâu, thực tế các Sở vẫn đang được phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện. Sự không thống nhất giữa các tỉnh trong phân cấp, ủy quyền đã gây khó khăn cho công tác quản lý, công bố, thực hiện, kiểm soát và liên thông thủ tục hành chính.

- Điểm c khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép chế biến quặng phóng xạ chưa phù hợp với Luật khoáng sản năm 2010. Theo Luật này, công việc chế biến quặng phóng xạ không phải là hoạt động khoáng sản. Bộ Công Thương quản lý việc chế biến khoáng sản theo điểm a khoản 9 Điều 2 Nghị định của Chính phủ số 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022.

- Điểm d khoản 1 Điều 77 quy định Bộ Công Thương cấp giấy phép vận hành thử và vận hành chính thức nhà máy điện hạt nhân là chưa bảo đảm tính độc lập, tính liên tục của hoạt động quản lý nhà nước vì hai lý do: (1) Bộ Công Thương quản lý hoạt động Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (2) Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép xây dựng, Giấy phép chấm dứt hoạt động của nhà máy điện hạt nhân. Quy định này gây khó khăn cho công tác quản lý toàn bộ vòng đời của nhà máy điện hạt nhân nói chung và quản lý hồ sơ, đặc biệt là hồ sơ an toàn của nhà máy điện hạt nhân nói riêng.

d) Quy định về hàng hóa có chứa chất phóng xạ:

Khoản 3 Điều 66 Luật NLNT quy định Bộ Y tế ban hành danh mục sản phẩm tiêu dùng đã chiếu xạ hoặc chứa chất phóng xạ được phép nhập khẩu và mức chiếu xạ đối với hàng hóa tiêu dùng trên cơ sở kết quả thẩm định an toàn của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, Luật NLNT lại chưa có quy định về việc ban hành hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý của các Bộ khác. Vì vậy, Luật sửa đổi cần khắc phục sự bất cập này.

đ) Quy định về kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ:

Theo quy định tại Điều 64 Luật NLNT: Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Quy định này cơ bản là hợp lý, duy chỉ có bất cập đối với vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4, 5 vì mức độ an toàn an ninh và tác động không quá nghiêm trọng như vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân và nguồn phóng xạ nhóm 1.

e) Quy định về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT:

- Điều 69 Luật NLNT quy định Điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đăng ký hoạt động không là phù hợp về thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư 2020.

- Khoản 3 Điều 70 Luật NLNT quy định Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, thu hồi, công nhận chứng chỉ là không phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020.

Bất cập của Luật NLNT bắt nguồn từ các nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, lần đầu tiên Việt Nam xây dựng một đạo luật để điều chỉnh toàn diện các quan hệ xã hội trong lĩnh vực NLNT (trước kia chúng ta chỉ có Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ năm 1996) trong điều kiện còn thiếu chuyên gia có kinh nghiệm về xây dựng pháp luật hạt nhân nói chung và các quy định về an toàn, an ninh bức xạ và hạt nhân nói riêng.

Thứ hai, Luật NLNT có phạm vi rộng và chuyên sâu về kỹ thuật, đồng thời còn liên quan đến chính trị, xã hội, quan hệ đối ngoại, an ninh quốc gia.

Thứ ba, Luật NLNT chưa dự báo đầy đủ và kịp thời sự phát triển nhanh chóng các ứng dụng NLNT, khoa học và công nghệ bức xạ, kỹ thuật hạt nhân, hội nhập quốc tế cũng như các nguy cơ ngày càng gia tăng liên quan đến an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu và thiết bị hạt nhân. Vì vậy, một số quy định đã không đáp ứng thực tiễn quản lý, đặt ra yêu cầu cần sửa đổi, bổ sung Luật NLNT.

Thứ tư, từ năm 2010, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế về an toàn, an ninh, thanh sát hạt nhân (Công ước về An toàn hạt nhân; Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, Phần sửa đổi của Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân; Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA; Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ; Công ước về Trấn áp các hành vi khủng bố hạt nhân... Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu hoàn thiện pháp luật NLNT để bảo đảm nội luật hóa, thực hiện nghĩa vụ và cam kết quốc gia quy định tại điều ước quốc tế.

III. YÊU CẦU THỰC TIỄN CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT NLNT (SỬA ĐỔI)

Quá trình tổng kết hơn 15 năm thực hiện Luật đã cho thấy việc xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) là cần thiết vì:

Thứ nhất, để hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ mục tiêu phát triển các ứng dụng năng lượng nguyên tử đóng góp nhiều hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố an ninh quốc gia trong tình hình mới. Việc sửa đổi Luật NLNT góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước là hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh.

Thứ hai, yêu cầu thống nhất, đồng bộ và hài hòa giữa Luật NLNT và nhiều pháp luật liên quan khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Quy hoạch (2017), Luật Đầu tư (2020), Luật Xây dựng (2014; sửa đổi, bổ sung 2020), Luật Khoáng sản (2010; sửa đổi, bổ sung 2018), Luật Dược (2016), Luật Bảo vệ môi trường (2020),... nhằm không để phát sinh chồng chéo, chưa thống nhất, bất cập trong quản lý nhà nước và triển khai thực hiện.

Thứ ba, trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (2010); Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (2012); Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (2014); Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và Phần sửa đổi (2016). Việc triển khai thực hiện các điều ước quốc tế đặt ra yêu cầu nội luật hóa, hoàn thiện chính sách, pháp luật NLNT để bảo đảm thực thi nghĩa vụ và cam kết quốc gia của Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

1. Thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển NLNT vì mục đích hòa bình, bảo đảm an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân.
2. Phù hợp với Hiến pháp năm 2013, các luật hiện hành có liên quan nhằm bảo đảm hài hòa và thống nhất của Luật NLNT (sửa đổi) trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
3. Khắc phục triệt để những tồn tại, bất cập, hạn chế, mâu thuẫn, chồng chéo của quy định và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật NLNT 2008.

V. CÁC VẤN ĐỀ TỔNG THỂ CẦN GIẢI QUYẾT

1. Xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) tổng hợp (bao gồm các quy định về đẩy mạnh phát triển ứng dụng NLNT và các quy định về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân, bồi thường hạt nhân, quản lý nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân) thay thế cho Luật NLNT;
2. Kế thừa những quy định hợp lý, có tính nguyên tắc của Luật NLNT năm 2008; chuyển những quy định quá chi tiết hoặc mang tính kỹ thuật, quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng vào các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
3. Nghiên cứu các quy định liên quan tại Hiến pháp 2013, các luật hiện hành có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trong thời gian từ 2009 đến nay, đặc biệt mối quan hệ và ảnh hưởng của các luật đó đến Luật NLNT để bảo đảm các quy định của Luật NLNT (sửa đổi) hài hòa, thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Dự báo sự phát triển của NLNT (như tái khởi động chương trình điện hạt nhân, điện hạt nhân nổi...) để bảo đảm tuổi thọ lâu dài của Luật.

5. Áp dụng phù hợp các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu, hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), hướng dẫn của IAEA về bố cục và nội dung của Luật hạt nhân; Tham khảo Luật về NLNT, an toàn bức xạ và hạt nhân và các luật liên quan của một số nước, đặc biệt các nước có trình độ phát triển NLNT tương đồng. Trong đó, Luật NLNT (sửa đổi) phải bảo đảm 11 nguyên tắc của Luật hạt nhân theo khuyến cáo của IAEA là:

- (1) Nguyên tắc an toàn (*The safety principle*);
- (2) Nguyên tắc an ninh (*The security principle*);
- (3) Nguyên tắc trách nhiệm (*The responsibility principle*);
- (4) Nguyên tắc cho phép (*The permission principle*);
- (5) Nguyên tắc kiểm soát liên tục (*The continuous control principle*);
- (6) Nguyên tắc bồi thường (*The compensation principle*);
- (7) Nguyên tắc phát triển bền vững (*The sustainable development principle*);
- (8) Nguyên tắc tuân thủ (*The compliance principle*);
- (9) Nguyên tắc độc lập (*The independence principle*);
- (10) Nguyên tắc minh bạch (*The transparency principle*);
- (11) Nguyên tắc hợp tác quốc tế (*The international co-operation principle*).

6. Thực hiện cam kết nội luật hóa các điều ước quốc tế trong lĩnh vực NLNT mà Việt Nam đã tham gia về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân: Công ước về An toàn hạt nhân (CNS), Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát Việt Nam-IAEA (AP), Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ (Joint Convention), Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phần sửa đổi của Phần sửa đổi (CPPNM/A).

VI. CÁC CHÍNH SÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Sau khi tổng kết và phân tích hiện trạng của việc thi hành Luật NLNT, Bộ KH&CN đã xác định 06 vấn đề cần ưu tiên phân tích, đánh giá theo một phương pháp có hệ thống, trong đó mỗi vấn đề khi phân tích, đánh giá sẽ bao gồm giải pháp giữ nguyên hiện trạng (nghĩa là không thay đổi quy định hiện hành trong Luật) và tối thiểu 01 giải pháp được đề xuất để giải quyết hạn chế, bất cập của quy định. Từ đó, các phân tích sẽ được thực hiện trên cơ sở đánh giá tác động của sự thay đổi, nghĩa là phải so sánh tác động của các giải pháp đề xuất với giải pháp giữ nguyên hiện trạng để tìm hiểu rõ tác động của việc thay đổi, qua đó làm rõ và khẳng định Giải pháp đề xuất.

Các vấn đề được phân tích, đánh giá trong dự thảo Báo cáo cũng đáp ứng tiêu chí của chính sách cần được sửa đổi, bổ sung trong lập Đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi), bao gồm:

- Chính sách 1: Thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, coi trọng năng lượng hạt nhân, chế tạo thiết bị, hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực;
- Chính sách 2: Bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân và vật liệu hạt nhân;
- Chính sách 3: Thanh sát và không phổ biến vũ khí hạt nhân;
- Chính sách 4: Quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;
- Chính sách 5: Ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân;
- Chính sách 6: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT (Khai báo, đăng ký, cấp giấy phép, cấp chứng chỉ; Thanh tra, kiểm tra; xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo);

Một số chính sách được kế thừa từ các quy định của Luật NLNT và một số chính sách được điều chỉnh, bổ sung mới, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện ứng dụng NLNT. Những vấn đề được lựa chọn đưa vào Báo cáo đánh giá tác động chính sách mang tính tiêu biểu, thực tiễn của công tác QLNN và hoạt động triển khai ứng dụng NLNT, có ảnh hưởng và tác động tới nhiều đối tượng liên quan.

Đối với từng chính sách, Bộ KH&CN đã thực hiện đánh giá theo quy trình: xác định vấn đề bất cập hiện tại (nêu rõ tác động và nguyên nhân), đưa ra các mục tiêu chính sách, đề xuất phương án dự kiến để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động có thể (bao gồm kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật) đối với phương án chính sách dự kiến.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

I. CHÍNH SÁCH 1: THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NLNT

I.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Các chính sách, quy định còn thiếu

1. Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018) có quy định “*Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, được lập trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình, quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, đề ra định hướng cơ bản dài hạn và xác định các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể phát triển, ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình.*”

Tuy nhiên trong Luật NLNT chưa có quy định về xây dựng chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, nội dung cùng với việc phân công trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược.

2. Luật NLNT được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018). Tuy nhiên có một số quy định còn chưa có, bao gồm:

- Về quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT: Chưa có quy định về quy trình lập quy hoạch; Chưa có quy định về nguồn kinh phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch

- Về quy hoạch phát triển điện hạt nhân: chưa có quy định về cơ sở xây dựng quy hoạch; cơ quan chủ trì lập quy hoạch.

- Chưa có quy định về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển phát triển, ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân

b) Các chính sách quy định chưa toàn diện để triển khai đầy đủ trong thực tế

1. Về đầu tư và tăng cường xã hội hóa:

Khoản 1 Điều 5 của Luật NLNT có quy định “*Đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.*” Mới quy định về chính sách đầu tư cho phát triển điện hạt nhân; đầu tư cơ sở vật kỹ thuật và nguồn nhân lực cho đảm bảo an toàn, an ninh.

Trong thời gian qua, chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực y tế đã được triển khai và có kết quả, hiệu quả nhất định. Đầu tư khu vực tư nhân đã góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế về xạ trị (máy gia tốc điện tử LINAC, xạ trị áp sát, dao gamma, ...), điện quang và y học hạt nhân (PET/CT, SPECT/CT). Tuy nhiên, việc đầu tư trang bị các thiết bị lớn như xạ trị proton và một số kỹ thuật công nghệ cao vẫn cần có vai trò dẫn dắt của nhà nước. Đầu tư của tư nhân trong lĩnh vực chiếu xạ công nghiệp đã được triển khai mạnh mẽ, phát huy hiệu quả đối với hoạt động xuất khẩu thủy hải sản, sản phẩm nông nghiệp, trái cây. Hiện tại trên cả nước đang có 11/13 cơ sở chiếu xạ công nghiệp là doanh nghiệp tư nhân với tổng số 16/20 thiết bị chiếu xạ (nguồn Co-60 và máy gia tốc điện tử). Vì vậy, trong giai đoạn tới cần đẩy mạnh cơ chế xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư mở rộng ứng dụng NLNT.

2. Về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT:

Điều 17 Luật NLNT quy định: “*Nhà nước có chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng NLNT trong lĩnh vực kinh tế - xã hội*”.

Quy định này đã được triển khai trong nhiều năm ở các chương trình phát triển KH&CN cấp quốc gia của Bộ KH&CN đối với nhiều lĩnh vực bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong đó có lĩnh vực NLNT. Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh của thiết bị công nghệ bức xạ và hạt nhân ứng dụng trong y tế, công nghiệp và các ngành kinh tế-xã hội khác nên các yêu cầu nội địa hóa, tăng cường năng lực chế tạo, sản xuất trở nên cấp bách. Quy định tại Điều 17 Luật NLNT chưa thể hiện trực diện vấn đề này.

3. Về phát triển nguồn nhân lực:

Điều 16 của Luật NLNT có quy định về phát triển nguồn nhân lực như sau:

“1. Nhà nước có chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực, đặc biệt là chuyên gia có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và bảo đảm an toàn, an ninh trong lĩnh vực NLNT.

2. Nhà nước có chính sách ưu đãi, thu hút chuyên gia có trình độ cao trong và ngoài nước làm việc trong lĩnh vực NLNT.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế tham gia thực hiện chương trình đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực quy định tại khoản 1 Điều này.”

Trong thời gian triển khai 02 dự án điện hạt nhân (ĐHN) Ninh Thuận từ 2008-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cử hơn 400 sinh viên đi đào tạo tại một số trường đại học chuyên ngành của LB Nga, Bộ KH&CN và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) của Bộ Công thương đã cử hàng trăm lượt cán bộ đi thăm quan, học hỏi kinh nghiệm về công nghệ ĐHN và các ngành liên quan tại châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc, cử hàng chục cán bộ đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ tại Nhật Bản, Hàn Quốc và LB Nga. Đồng thời, 05 trường đại học, bao gồm Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Điện lực, Đại học Khoa học Tự nhiên TpHCM và Đại học Đà Lạt, đã được đầu tư trang thiết bị, chuyên gia nước ngoài, tài liệu và chương trình đào tạo cùng với chính sách ưu tiên, ưu đãi để thu hút sinh viên vào học ngành NLNT và công nghệ ĐHN. Điều này đã góp phần tăng cường đáng kể nhân lực của ngành, trong số đó nhiều cử nhân, kỹ sư và những cán bộ có chuyên môn cao về làm việc tại các viện trực thuộc Viện Năng lượng nguyên tử VN, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ KH&CN), Tập đoàn Điện lực VN, Viện Năng lượng (Bộ Công thương), trở thành cán bộ giảng dạy tại các khoa của một số trường đại học lớn trên cả nước. Tuy nhiên, sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 31/2016/QH14 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận thì việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực NLNT nói chung gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế và tài chính, dẫn đến sự suy giảm chất lượng nguồn nhân lực trong những năm gần đây.

Đối với các quy định tại Điều 16 Luật NLNT nên có sự thay đổi về khái niệm cũng như nhận thức liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, cụ thể: (1) khái niệm “chuyên gia có trình độ cao” thường dẫn đến suy nghĩ về người có học hàm, học vị cao. Điều này không sai nhưng chưa toàn diện, chưa phản ánh đúng thực tiễn trong hoạt động khoa học và công nghệ vì có những cán bộ không có học hàm, học vị cao nhưng làm việc lâu năm, chuyên tâm nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm, hiểu biết và kỹ năng trong một hoặc một số vấn đề, khía cạnh, đặc thù công nghệ để đạt đến trình độ, năng lực chuyên gia, nghĩa là hơn hẳn những đồng nghiệp cùng đơn vị, cùng ngành nghề; (2) khái niệm “đào tạo chuyên gia có trình độ cao” là không chuẩn xác vì chuyên gia chỉ có thể đạt được bằng con đường tự học, tự đào tạo, rèn luyện để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng, trưởng thành trong công việc một cách tận tâm, trách nhiệm (sau quá trình học tập, đào tạo ở bậc đại học hoặc sau đại học như những đồng nghiệp khác).

I.2. Mục tiêu của Chính sách

Dự án xây dựng Luật NLNT (sửa đổi) nhằm mục tiêu chính sau:

Xây dựng đạo luật có khả năng tác động tích cực, hiệu quả tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh và các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT theo cách tiếp cận toàn diện, bao gồm tạo ra tri thức, ứng dụng tri thức và truyền bá tri thức mạnh mẽ hơn trong đời sống xã hội, từ đó thúc đẩy vai trò của NLNT đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Mục tiêu của chính sách nhằm:

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao vai trò quản lý nhà nước về phát triển ứng dụng NLNT

Thứ hai, hoàn thiện các quy định của Luật phù hợp với thực tế, đẩy mạnh ứng dụng NLNT, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và năng lực kỹ thuật về nội địa hóa và chế tạo thiết bị đóng góp ngày càng hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I.3. Các giải pháp thực hiện chính sách

Có 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách

1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT.

2. Phương án 2: Chính sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT, cụ thể:

a) Bổ sung Điều về Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT bao gồm quy định về nội dung, tầm nhìn và phân công trách nhiệm xây dựng Chiến lược phát triển, ứng dụng NLNT.

b) Chính sửa, bổ sung quy định về nội dung quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT; quy hoạch phát triển điện hạt nhân; việc điều chỉnh quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển điện hạt nhân.

c) Chính sửa, bổ sung quy định về đầu tư, tăng cường xã hội hóa cho phát triển ứng dụng NLNT.

d) Chính sửa, bổ sung quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ứng dụng NLNT.

đ) Chính sửa quy định về phát triển nguồn nhân lực.

I.4. Đánh giá tác động của chính sách

1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định về các biện pháp thúc đẩy phát triển, ứng dụng NLNT.

1.1. Tác động về kinh tế, xã hội:

Tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT: không có.

Hạn chế:

- Đối với Nhà nước: hiệu quả công tác quản lý nhà nước bị ảnh hưởng do hành lang pháp lý chưa được quy định đầy đủ liên quan đến công tác xây dựng Chiến lược phát triển ứng dụng NLNT, quy hoạch phát triển ĐHN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: thiếu các chính sách, quy định để thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT thông qua nhiệm vụ xây dựng Chiến lược, quy hoạch phát triển ứng dụng NLNT, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và năng lực nội địa hóa, chế tạo thiết bị.

1.2. Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

1.3. Tác động về thủ tục hành chính: Phương án không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

1.4. Tác động tới hệ thống pháp luật:

Hệ thống pháp luật không đáp ứng và theo kịp sự phát triển của công nghệ bức xạ và hạt nhân để giải quyết vướng mắc, tồn tại hiện nay.

2. Phương án 2: Chính sửa, bổ sung quy định để thúc đẩy phát triển ứng dụng NLNT như đã nêu ở mục I.3.

2.1. Tác động về kinh tế, xã hội:

Tích cực:

- Đối với Nhà nước: Bổ sung các quy định còn thiếu, khắc phục những vướng mắc khó khăn trong công tác xây dựng Chiến lược, quy hoạch trong lĩnh vực NLNT; hoàn thiện các chính sách để nâng cao hiệu quả quản lý, thúc đẩy phát triển bền vững ứng dụng NLNT và phát triển tiềm lực KH&CN hạt nhân quốc gia.

- Đối với các tổ chức, cá nhân: tạo động lực cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT, góp phần triển khai mạnh mẽ các ứng dụng NLNT trong các ngành kinh tế-xã hội, giúp cho người dân được thụ hưởng rộng rãi các thành tựu của khoa học và công nghệ hạt nhân; được tiếp cận với môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển ứng dụng NLNT.

Hạn chế:

Đối với Nhà nước: Tốn kém thời gian nghiên cứu, rà soát, chi phí khảo sát thực tiễn phục vụ sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật; Rà soát, phân bổ nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển ứng dụng NLNT.

2.2. Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2.3. Tác động về thủ tục hành chính:

Việc áp dụng các quy định không làm tăng điều kiện với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực NLNT.

2.4. Tác động tới hệ thống pháp luật:

- Bộ máy nhà nước: Giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.
- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nội dung được giao trong Luật.
- Phù hợp hệ thống pháp luật: Giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.
- Tương thích với các điều ước quốc tế: Giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

I.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 2** - là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững các ứng dụng NLNT.

II. CHÍNH SÁCH 2: BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ, AN TOÀN HẠT NHÂN, AN NINH HẠT NHÂN

II.1. Bảo đảm an toàn, an ninh liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ

Bảo đảm an toàn an ninh trong hoạt động ứng dụng NLNT là nhiệm vụ trọng tâm của công tác QLNN, trong đó nguồn phóng xạ là một trong những loại hình được sử dụng rộng rãi nhất của ứng dụng bức xạ, có mặt trong tất cả các lĩnh vực từ công nghiệp, y tế cho đến nông nghiệp, tài nguyên môi trường, xây dựng và các hoạt động nghiên cứu.

Nguồn phóng xạ có hai đặc tính vật lý cơ bản là hoạt độ phóng xạ (liên quan trực tiếp đến liều bức xạ - là chỉ số cho biết mức độ nguy hiểm của bức xạ đối với con người và môi trường) và thời gian bán rã. Sự suy giảm hoạt độ gắn liền với thời gian bán rã. Đa số các nguồn phóng xạ đang được sử dụng có phổ thời gian bán rã thay đổi rất rộng từ hàng chục, hàng trăm năm (ví dụ: nguồn Am^{241} ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp; nguồn Cs^{137} ứng dụng trong chiếu xạ y tế) cho đến một vài giờ (ví dụ: nguồn Tc^{99m} , FDG-F^{18} - là các dược chất phóng xạ, ứng dụng trong y học hạt nhân). Đối với các nguồn phóng xạ sống ngắn, sau một khoảng thời gian sử dụng hoạt độ phóng xạ suy giảm nhanh, khi đạt đến mức thanh lý trở xuống thì không còn khả năng gây chiếu xạ ngoài ảnh hưởng tới con người, môi trường, và có thể xem xét ứng xử như chất thải không phóng xạ thông thường.

Phần này của báo cáo tập trung phân tích tác động chính sách về thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, theo số liệu của Cục ATBXHN, nguồn phóng xạ đang được sử dụng rộng rãi và hiệu quả trong hai lĩnh vực công nghiệp và y tế, trong số đó nguồn Ir-192^1 ứng dụng trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) và xạ trị áp sát được quản lý với số lượng tương đối lớn, lên đến hàng nghìn nguồn, bao gồm từ các nguồn đang được sử dụng, đang lưu giữ (từ nhiều năm nay) và đã chuyển trả lại nhà sản xuất (do đã hết hoạt độ sử dụng). Việc gửi lưu giữ tập trung hoặc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất đều gây lãng phí nguồn lực, cụ thể:

- Đối với việc lưu giữ: gây lãng phí cơ sở vật chất kỹ thuật (phòng, kho lưu giữ, các biện pháp, quy trình bảo đảm an toàn, an ninh,...), nhân lực (người phụ trách, quản lý, kiểm đếm các nguồn lưu giữ), các chi phí phát sinh liên quan. Trường hợp gửi nguồn phóng xạ đi lưu giữ tại các cơ sở lưu giữ tập trung: cần thêm chi phí cho việc thỏa thuận lưu giữ nguồn, nhân lực chuẩn bị các hồ sơ cấp phép liên quan (vận chuyển, lưu giữ); nguồn lực, thiết bị, con người của cơ sở lưu giữ trong quản lý nguồn phóng xạ.

¹ Chu kỳ bán rã của đồng vị Ir-192 là 73,8 ngày

- Đối với việc xuất khẩu trả lại nhà sản xuất: gây lãng phí chi phí xuất khẩu, vận chuyển trong nước và quốc tế; nhân lực, trang thiết bị liên quan đến việc áp tải trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra, việc phải thỏa thuận với nhà sản xuất về tiếp nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ làm tăng giá mua ban đầu.

Điều 31 Luật NLNT đã quy định lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, đồng thời quy định trách nhiệm của Bộ KH&CN đối với việc hướng dẫn nội dung “Mức miễn trừ khai báo, cấp phép, *mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, vật thể bị nhiễm bản phóng xạ*” tại Điều 33, khoản 1, điểm (l). Tuy nhiên, Luật NLNT chưa quy định việc thanh lý nguồn phóng xạ. Trong văn bản hướng dẫn tại Thông tư số 22/2014/TT-BKH&CN² hiện mới chỉ quy định mức thanh lý cho chất thải phóng xạ/vật thể nhiễm bản phóng xạ. Cụ thể, mức thanh lý được định nghĩa trong Thông tư 22/2014/TT-BKH&CN là: “*giá trị nồng độ hoạt độ của các nhân phóng xạ mà khi chất thải chứa các nhân phóng xạ có nồng độ hoạt độ nhỏ hơn hoặc bằng giá trị đó sẽ được coi là không gây nguy hại bức xạ đối với con người và môi trường và được quản lý như chất thải không phóng xạ*”. Định nghĩa này chỉ áp dụng cho chất thải phóng xạ hoặc vật thể nhiễm bản phóng xạ, chưa có định nghĩa mức thanh lý cho nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và cũng chưa có quy định/hướng dẫn/quy trình cụ thể đối với việc thanh lý nguồn phóng xạ.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần hoàn thiện các quy định và hướng dẫn liên quan trong lĩnh vực NLNT, từ đó nâng cao công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ;

b) Tiết kiệm, tối ưu nguồn lực, kinh phí cho cơ sở tiến hành công việc bức xạ và cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định trong Luật và các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan (nguồn phóng xạ khi phân rã đến mức dưới thanh lý có thể được xử lý như chất thải không phóng xạ thông thường).

Theo đó, bên cạnh việc lưu giữ và thanh lý vật thể bị nhiễm bản phóng xạ, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ; đồng thời xây dựng bổ sung các quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ; cũng như các quy định, hướng dẫn về thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, trong đó phân công cụ thể đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ cũng như cơ

² Thông tư số 22/2014/TT-BKH&CN ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

quan/đơn vị chịu trách nhiệm giám sát, quản lý quá trình này (Bộ KH&CN). Như vậy, cơ sở tiến hành công việc bức xạ trước khi thanh lý nguồn phóng xạ sẽ phải thực hiện thủ tục thanh lý với cơ quan quản lý.

3.3. Phương án 3: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan như ở phương án 2.

Theo đó, Luật NLNT sẽ bổ sung quy định về việc thanh lý nguồn phóng xạ (tương tự như phương án 2). Tuy nhiên, Chính phủ sẽ không quy định các thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ, mà chỉ ban hành hướng dẫn về quy trình thanh lý nguồn phóng xạ, quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ. Như vậy, cơ sở tự thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ (căn cứ theo hướng dẫn) và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí để thực hiện giải pháp, không gây thêm tác động đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh.

- Hạn chế: Vì chưa có quy định rõ ràng mức thanh lý cho các nguồn phóng xạ, các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng vẫn cần phải được lưu giữ lâu dài hoặc chuyển trả lại nhà sản xuất. Việc này dẫn đến việc lãng phí nguồn lực, chi phí để quản lý/xuất khẩu các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng như phân tích ở trên.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp này không gây ra thêm những tác động đối xã hội, cộng đồng và các vấn đề khác có liên quan.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.

- Hạn chế:

+ Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, toàn diện liên quan đến thanh lý nguồn phóng xạ, bao gồm: quy định mức thanh lý và hướng dẫn quy trình thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

+ Chưa phù hợp với hướng dẫn của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA).

4.2. Phương án 2:

a) Tác động về kinh tế

- Theo thống kê của Cục ATBXHN, chỉ riêng trong năm 2023, Cục đã cấp giấy phép xuất khẩu cho khoảng 100 nguồn phóng xạ Ir-192 đã qua sử dụng trả về nhà sản xuất³. Theo quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC⁴ ngày 15/11/2016 và Thông tư số 116/2021/TT-BTC⁵ ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, tổng mức thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép vận chuyển, xuất khẩu nguồn phóng xạ là 1,5 triệu đồng. Ngoài ra, để xuất khẩu nguồn phóng xạ trả lại nhà sản xuất, cơ sở tiến hành công việc bức xạ sẽ phải mất các chi phí liên quan đến vận chuyển quốc tế, thuê người áp tải, đo đánh giá an toàn trong quá trình vận chuyển, thuê phương tiện vận chuyển trong nước, kho bãi trong quá trình vận chuyển, ... Theo thông tin khảo sát từ các đơn vị nhập khẩu nguồn phóng xạ được cấp giấy phép, tổng chi phí ước tính trung bình để xuất khẩu 01 nguồn là khoảng 10 triệu đồng. Như vậy, nếu quy định về mức thanh lý cho nguồn phóng xạ được ban hành, có thể tiết kiệm kinh phí khoảng 1 tỷ đồng cho doanh nghiệp. Ngoài ra các doanh nghiệp tiết kiệm được nguồn lực đáng kể cho việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến xuất khẩu nguồn phóng xạ và các chi phí khác. Con số này có thể sẽ tăng hơn nữa trong các năm tiếp theo do nhu cầu sử dụng ngày càng cao của loại hình công việc chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, xạ trị áp sát và nguồn đã qua sử dụng từ các ứng dụng khác.

- Phần kinh phí trên chưa tính đến việc giảm giá mua nguồn phóng xạ do nhà cung cấp nước ngoài không phải nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh đó còn giảm được nguồn lực, kinh phí liên quan đến việc xử lý hồ sơ của Cơ quan quản lý nhà nước cũng như chi phí quản lý/lưu giữ (liên quan đến yêu cầu bảo đảm an toàn an ninh nguồn phóng xạ đã qua sử dụng).

- Cơ sở tiến hành công việc bức xạ có thêm lựa chọn trong việc quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Bên cạnh việc chuyển nguồn đi lưu giữ tập trung hoặc chuyển trả nhà sản xuất, cơ sở có thể lựa chọn lưu giữ nguồn tại chỗ một thời gian cho đến khi hoạt độ nguồn phân rã tới dưới mức thanh để có thể xử lý như rác thải không phóng xạ thông thường.

b) Tác động về xã hội:

Giải pháp không gây ra tác động về xã hội.

c) Tác động thủ tục hành chính

³ Số liệu thống kê từ hoạt động cấp phép của Cục ATBXHN.

⁴ Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực NLNT.

⁵ Thông tư số 116/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 287/2016/TT-BTC.

Giải pháp này sẽ giúp giảm chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc vận chuyển, xuất khẩu (trả lại nhà sản xuất) các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng hoặc phải lưu giữ lâu dài tại cơ sở lưu giữ tập trung.

- Phát sinh thêm thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng các quy định về mức thanh lý, thủ tục thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ;

- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý nguồn phóng xạ trong tất cả giai đoạn từ sử dụng, vận chuyển, lưu giữ cho đến khi thanh lý bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở.

4.3. Phương án 3:

a) Tác động về kinh tế:

- Cơ bản như phân tích ở phương án 2;

- Ngoài ra, còn giúp tiết kiệm nguồn lực, chi phí liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ.

b) Tác động về xã hội:

Giải pháp có thể gây ra tác động về xã hội nếu cơ sở thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng không tuân thủ nghiêm túc quy định trong văn bản Hướng dẫn của cơ quan quản lý.

c) Tác động thủ tục hành chính

- Giải pháp này sẽ giúp giảm chi phí thực hiện các thủ tục liên quan đến việc vận chuyển, xuất khẩu (trả lại nhà sản xuất) các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng hoặc phải lưu giữ lâu dài tại cơ sở lưu giữ tập trung.

- Không phát sinh thêm thủ tục hành chính về thẩm định, đánh giá, phê chuẩn và các biện pháp thanh lý nguồn phóng xạ (chỉ yêu cầu cơ sở gửi thông báo tới cơ quan quản lý về việc thanh lý nguồn phóng xạ theo văn bản Hướng dẫn. Việc này cũng tương tự như quy định đối với nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ thuộc mức miễn trừ khai báo, cấp phép).

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Cần bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ trong Luật, giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung này;

- Cần xây dựng các quy định về mức thanh lý, ban hành văn bản Hướng dẫn về quy trình thanh lý và quy định trách nhiệm gửi thông báo cho cơ quan quản lý khi cơ sở tiến hành công việc bức xạ thực hiện việc thanh lý nguồn phóng xạ.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Bổ sung quy định về thanh lý nguồn phóng xạ và các hướng dẫn liên quan. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực về xã hội, hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm quản lý an toàn, an ninh của cơ quan quản lý và lợi ích của cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong hoạt động quản lý, thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

II.2. Bảo đảm an toàn, an ninh liên quan đến đăng ký thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ

1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện hành, tổ chức, cá nhân có nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ khai báo phải thực hiện các thủ tục khai báo, cấp phép tiến hành công việc bức xạ. Tuy nhiên, thực tế một số lượng không nhỏ⁶ thiết bị bức xạ, thuộc diện trên mức miễn trừ, nhưng có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ vận hành được khi khoang phát tia đã được đóng kín), cùng với suất liều trong quá trình sử dụng chỉ xấp xỉ bằng phong môi trường, an toàn cho người sử dụng, ví dụ: các thiết bị phân tích huỳnh quang tia X ứng dụng trong công nghiệp để soi kiểm tra bo mạch điện tử. Ngoài ra, còn có số lượng đáng kể các nguồn phóng xạ hoạt độ thấp được sử dụng để chuẩn (năng lượng, hiệu suất) cho thiết bị ghi đo bức xạ tại các viện nghiên cứu, trường đại học. Vì vậy, việc yêu cầu những loại hình thiết bị này phải tiến hành thủ tục cấp phép và gia hạn giấy phép sau mỗi 03 năm⁷ có thể không cần thiết, gây lãng phí nguồn lực của cơ sở (liên quan đến nguồn lực, thời gian và chi phí để thực hiện các thủ tục cấp phép). Điều này cũng đồng nghĩa với việc gia tăng khối lượng công việc của cơ quan quản lý trong xử lý, lưu giữ hồ sơ xin cấp phép.

⁶ Theo thống kê đến cuối năm 2023 của Cục ATBXHN, trên cả nước có khoảng 1000 thiết bị phân tích huỳnh quang tia X có cơ cấu tự che chắn.

⁷ Thời hạn của giấy phép tiến hành công việc bức xạ được quy định tại Điều 37, Nghị định 142/2020/NĐ-CP.

Đối với nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trên mức miễn trừ, Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA) đã đưa ra khuyến cáo về việc quản lý dưới hình thức khai báo, đăng ký và cấp phép.

Cụ thể, trong tài liệu GSR Part 3⁸ về Tiêu chuẩn an toàn cơ bản, trong Yêu cầu số 7 về Thông báo và Cấp phép đã đưa ra khuyến cáo như sau:

“Một số công việc sau phù hợp với việc đăng ký:

- *Vấn đề an toàn cơ bản đã được bảo đảm bởi thiết kế của cơ sở và thiết bị;*
- *Quy trình vận hành thiết bị đơn giản;*
- *Yêu cầu tối thiểu về đào tạo an toàn;*
- *Trong thực tiễn, có ít các vấn đề, sự cố liên quan đến an toàn có thể xảy ra trong quá trình vận hành thiết bị;*
- *Quy trình vận hành ít có thay đổi đáng kể.”*

Như vậy, các thiết bị có thiết kế tự che chắn, có khóa liên động (chỉ vận hành được khi khoang phát tia đã được đóng kín) như thiết bị phân tích huỳnh quang tia X trong công nghiệp để soi kiểm tra bo mạch điện tử, các nguồn phóng xạ dùng để chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ đáp ứng yêu cầu quản lý dưới hình thức đăng ký theo hướng dẫn của IAEA.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính liên quan đến khai báo, cấp phép phù hợp với khuyến cáo quốc tế và thực tiễn quản lý.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định tại Luật NLNT và văn bản hướng dẫn hiện hành.

3.2. Phương án 2: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công việc bức xạ có mức độ rủi ro thấp.

Theo đó, bên cạnh hình thức quản lý khai báo và cấp phép như hiện nay, tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ có mức độ rủi ro thấp (quy trình vận hành đơn giản ít thay đổi, yêu cầu bảo đảm an toàn đơn giản, khả năng xảy ra sự cố rất nhỏ, có cơ cấu tự che chắn bảo đảm suất liều bức xạ khi vận hành xấp xỉ phong môi trường) có thể thực hiện thủ tục đăng ký với Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (với thời hạn 05 năm).

⁸ Radiation Protection and Safety of Radiation Sources: International Basic Safety Standards General Safety Requirements Part 3 (GSR Part 3), IAEA, Vienna, 2014.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. *Phương án 1:* Giữ nguyên quy định như hiện nay

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí để thực hiện giải pháp.
- Hạn chế: gây lãng phí nguồn lực, chi phí của cơ sở cũng như của cơ quan quản lý, cụ thể:

+ Cơ sở phải phân bổ nguồn lực và chi phí để thực hiện các thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với thiết bị/nguồn phóng xạ như đề cập ở trên và gia hạn giấy phép 03 năm;

+ Cơ quan quản lý bị tăng tải công việc đáng kể trong xử lý hồ sơ cấp phép vì số lượng thiết bị/nguồn phóng xạ thuộc loại hình rủi ro thấp khá lớn.

b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm những tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

đ) Tác động hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống pháp luật.
- Hạn chế: Các quy định văn bản chưa đầy đủ và hợp lý đối với các loại hình công việc bức xạ, chưa thực hiện theo hướng dẫn chung của IAEA.

4.2. *Phương án 2:*

a) Tác động về kinh tế

- Đối với nhà nước (cơ quan quản lý an toàn): tiết kiệm thời gian, nguồn lực cho việc quản lý, xử lý hồ sơ. Tuy nhiên, nếu áp dụng hình thức đăng ký với thời hạn 05 năm thì có thể làm giảm nguồn thu cho ngân sách từ việc tăng thời hạn của Giấy đăng ký (so với 03 năm của Giấy phép).

- Đối với doanh nghiệp (cơ sở tiến hành công việc bức xạ): Căn cứ số liệu của Cục ATBXHN, với khoảng 1000 thiết bị phân tích huỳnh quang tia X có cơ cấu tự che chắn. Phí thẩm định đối với thủ tục cấp phép cho mỗi thiết bị là 3 triệu

đồng⁹ (thời hạn Giấy phép 03 năm) thì tổng thu phí là 3 tỷ đồng trong 3 năm (trung bình 1 tỷ đồng/năm). Như vậy, nếu chuyển sang quy định đăng ký (giả sử giữ nguyên phí đăng) với thời hạn đăng ký lên 05 năm thì tổng phí đăng ký cho 1000 thiết bị trung bình là 600 triệu đồng/năm. Như vậy, nếu áp dụng hình thức đăng ký với thời hạn 05 năm thì doanh nghiệp có thể tiết kiệm kinh phí trung bình 400 triệu đồng/năm. Con số này sẽ tăng hơn nữa nếu có thể xem xét giảm mức phí đăng do thủ tục đăng ký đơn giản hơn về thành phần hồ sơ so với cấp phép (theo định hướng trong dự thảo Luật NLNT sửa đổi và các văn bản hướng dẫn thi hành).

b) Tác động về xã hội

Giải pháp không gây ra thêm tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động thủ tục hành chính

Thủ tục đăng ký đơn giản hơn thủ tục cấp phép.

d) Tác động về giới

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề về giới.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật: giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật theo đúng hướng dẫn, khuyến cáo quốc tế (của IAEA).

2.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2**: Áp dụng hình thức đăng ký đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ có mức độ rủi ro thấp, bao gồm thiết bị phân tích huỳnh quang tia X có cơ cấu tự che chắn, nguồn phóng xạ hoạt độ nhỏ dùng để chuẩn (năng lượng, hiệu suất) cho thiết bị ghi đo bức xạ.

III. CHÍNH SÁCH 3: THANH SÁT VÀ KHÔNG PHỔ BIẾN HẠT NHÂN

1. Xác định vấn đề bất cập

Việt Nam đã phê chuẩn và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, cam kết trong vai trò thành viên của nhiều điều ước quốc tế quan trọng về an toàn, an ninh, thanh sát và không phổ biến hạt nhân như Hiệp ước không phổ biến hạt nhân năm 1982, Công ước về cảnh báo sớm sự cố hạt nhân năm 1987, Hiệp định Thanh sát năm 1989 và Nghị định thư bổ sung năm phê chuẩn năm 2012, Hiệp ước khu vực Đông Nam Á phi hạt nhân, Hiệp ước về cấm thử hạt nhân toàn diện phê chuẩn năm 2006, Bộ quy tắc ứng xử về an toàn, an ninh nguồn phóng xạ năm 2006, Công ước An toàn hạt nhân năm 2010, Công ước bảo vệ thực thể hạt nhân và phần sửa

⁹ Mức phí quy định tại Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực NLNT.

đôi (CPPNM/A) năm 2012, Công ước chung về quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và chất thải phóng xạ năm 2013, Công ước về loại trừ các hành động khủng bố hạt nhân năm 2016.

Việt Nam đang vận hành 01 lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu công suất 500kW đặt tại Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và 02 cơ sở hạt nhân có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, lưu giữ vật liệu hạt nhân (Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân, Viện Công nghệ xạ hiếm). Các cơ sở này trực thuộc Viện NLNTVN, chịu sự thanh sát của IAEA về sử dụng, vận chuyển và lưu giữ nhiên liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân theo Hiệp định Thanh sát năm và Nghị định thư bổ sung mà Việt Nam đã phê chuẩn.

Việc Luật NLNT 2008 có hiệu lực đã tạo ra cơ sở pháp lý¹⁰ để xây dựng các văn bản dưới Luật từng bước giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ, cam kết quốc gia của Việt Nam về thanh sát và không phổ biến hạt nhân, cụ thể:

- Quyết định số 45/2010/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động kiểm soát hạt nhân;

- Thông tư số 02/2011/TT-BKHHCN ngày 16/3/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện Kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn;

- Thông tư số 25/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định Danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân;

- Thông tư số 17/2013/TT-BKHHCN ngày 30/7/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân.

Ngoài ra, một số vi phạm trong lĩnh vực kiểm soát hạt nhân đã được quy định tại Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ).

Việc ban hành và triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về thanh sát hạt nhân đã giúp cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân - là cơ quan đầu mối về thanh

¹⁰ Điều 10. Kiểm soát hạt nhân:

“1. Việc kiểm soát sử dụng vật liệu hạt nhân, kiểm soát vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và kiểm soát hoạt động có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động kiểm soát hạt nhân.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý cơ sở hạt nhân, vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, tiến hành hoạt động có liên quan phải tuân thủ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện hoạt động kiểm soát hạt nhân.”

sát hạt nhân nói riêng, và Việt Nam nói chung thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân đáp ứng 02 mục tiêu, bao gồm mục tiêu quốc tế và mục tiêu quốc gia:

- Mục tiêu quốc tế là bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam trong cam kết với quốc tế về không phổ biến hạt nhân, bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, tạo cơ sở và điều kiện cho IAEA thực hiện thanh sát hạt nhân theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và IAEA về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (Hiệp định Thanh sát) (ký năm 1989, có hiệu lực từ tháng 02/1990) và Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định Thanh sát (Nghị định thư bổ sung) (ký năm 2007 và phê chuẩn năm 2012).

- Mục tiêu quốc gia là tạo ra hành lang pháp lý phù hợp, xác định tập trung đối tượng, hoạt động trong nước thuộc điều chỉnh của Hiệp định thanh sát và Nghị định thư bổ sung, từ đó xây dựng các hệ thống kế toán, kiểm soát hạt nhân, góp phần vào việc phát hiện mất mát, di dời hoặc sử dụng trái phép vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn; kiểm soát các vật liệu và thiết bị được chế tạo đặc biệt để sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân; kiểm soát các hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện đã bộc lộ những bất cập nhất định trong việc áp dụng, thực hiện Luật. Với việc chỉ có Điều 10 quy định cơ bản về hoạt động thanh sát hạt nhân nhằm chống phổ biến vũ khí hạt nhân (khái niệm cũ là “kiểm soát hạt nhân”), cụ thể:

- Luật chưa có các quy định mang tính nguyên tắc về hoạt động thanh sát, cụ thể: chưa xác định các chủ thể pháp luật cần thiết như: cơ quan/đơn vị đầu mối thực hiện chức năng thanh sát trong nước, thanh sát viên quốc tế, đối tượng điều chỉnh chịu thanh sát hạt nhân (*bao gồm: cơ sở hạt nhân, các địa điểm ngoài cơ sở theo Hiệp định Thanh sát; các hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân, hoạt động khai thác mỏ urani và thori, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu phi hạt nhân, các thiết bị đặc biệt được thiết kế và chế tạo để sử dụng cho chu trình nhiên liệu hạt nhân theo Nghị định thư bổ sung*). Việc bổ sung các quy định này là cần thiết nhằm kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu và thiết bị sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân và hoạt động khác có liên quan nhằm ngăn chặn phổ biến vũ khí hạt nhân, vận chuyển và sử dụng bất hợp pháp vật liệu hạt nhân theo phạm vi quy định và nghĩa vụ của Việt Nam tại các điều ước quốc tế về thanh sát và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam là thành viên, đồng thời quản lý hiệu quả các đối tượng chịu thanh sát hạt nhân;

- Chưa có quy định về thẩm quyền, hoạt động của thanh sát viên IAEA trong việc xác minh thông tin, kiểm chứng tính đúng đắn, đầy đủ của thông tin về các hoạt động ứng dụng hạt nhân vì hòa bình tại Việt Nam;

- Chưa thể hiện đầy đủ các quy định QLNN về cấp phép đối với các hạng mục chịu thanh sát hạt nhân. Hiện tại ngoài vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn, thiết bị hạt nhân thuộc đối tượng bắt buộc thực hiện thủ tục khai báo cấp

giấy phép thì phạm vi điều chỉnh của thanh sát và không phổ biến hạt nhân còn mở rộng tới các loại hình vật liệu phi hạt nhân, thiết bị được thiết kế, chế tạo cho chu trình nhiên liệu hạt nhân. Cần bổ sung quy định cấp phép đối với hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu thiết bị thuộc chu trình nhiên liệu hạt nhân;

- Hoạt động thanh tra an toàn bức xạ mới tập trung vào công tác quản lý của cơ sở đối với vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân theo quy định tại Nghị định 107/2013/NĐ-CP 20/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021), mà chưa có quy định thanh tra đối với các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định thanh sát, Nghị định thư bổ sung, cụ thể: vi phạm về khai báo thông tin hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu, thiết bị được thiết kế sử dụng trong chu trình nhiên liệu hạt nhân, khai báo thông tin về hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến chu trình nhiên liệu hạt nhân, ...

Luật cũng chưa có quy định nhằm phân biệt rõ ràng công tác thanh tra với hoạt động thanh sát do IAEA thực hiện và công tác kiểm tra, xác minh thông tin của cơ quan đầu mối thực hiện thanh sát. Do đó trong quá trình triển khai theo quy định tại các văn bản dưới Luật còn hạn chế về tính pháp quy, chưa nâng cao tính thực thi và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân;

- Bên cạnh đó, Luật cũng chưa có quy định về việc phối hợp và trách nhiệm của các Bộ ngành liên quan (Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính) để thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân của thanh sát viên IAEA theo đặc quyền và quy định tại Hiệp định thanh sát, Nghị định thư bổ sung; bảo đảm cung cấp thông tin, quyền tiếp cận, xác minh khai báo đối với những hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Bộ ngành liên quan.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động thanh sát hạt nhân (trong đó xác định nguyên tắc hoạt động, đối tượng áp dụng, hoạt động thanh sát hạt nhân quốc tế, trách nhiệm của cơ quan đầu mối về thanh sát hạt nhân trong công tác quản lý, thi hành pháp luật, vai trò phối hợp của Bộ, ngành liên quan) nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Bảo đảm nội luật hóa các quy định về nghĩa vụ quốc gia tại các điều ước quốc tế về không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là thành viên;

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao vai trò thực thi của cơ quan quản lý nhà nước nhằm triển khai hiệu quả hoạt động thanh sát hạt nhân;

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân có các hoạt động, hạng mục chịu thanh sát nhằm bảo đảm thực hiện các quy định về thanh sát và không phổ biến hạt nhân;

- Đáp ứng đầy đủ quy định tại các điều ước quốc tế về thanh sát hạt nhân và không phổ biến hạt nhân mà Việt Nam là thành viên, phù hợp với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực NLNT, và các Luật chuyên ngành có liên quan khác (Luật Xuất nhập cảnh, Bộ Luật hình sự, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Phòng, chống khủng bố, ...)

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Phương án 1:

Sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động thanh sát hạt nhân, bao gồm:

- Bổ sung quy định thể hiện các nguyên tắc cơ bản của hoạt động thanh sát hạt nhân cùng với chức năng, nhiệm vụ cơ quan đầu mối quốc gia về thanh sát;
- Bổ sung quy định về đối tượng chịu điều chỉnh của thanh sát hạt nhân;
- Bổ sung quy định về thẩm quyền, hoạt động của thanh sát viên IAEA;
- Bổ sung quy định hoạt động quản lý nhà nước về cấp phép các hạng mục chịu thanh sát hạt nhân;
- Bổ sung quy định về thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực thanh sát hạt nhân.
- Bổ sung quy định về trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các Bộ ngành và cơ quan liên quan;

3.2. Phương án 2:

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

4. Đánh giá tác động của các phương án

4.1. Phương án 1

a) Tác động đối với kinh tế:

- Không phát sinh thêm chi phí để thực hiện giải pháp, do về nội hàm việc đáp ứng các nghĩa vụ quốc gia về thanh sát, không phổ biến hạt nhân đã được thực hiện tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu của IAEA trong giai đoạn trước đây.

- Khung pháp lý hoàn thiện sẽ tạo điều kiện đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng năng lượng nguyên tử vì hòa bình, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và cam kết quốc gia, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần phát triển kinh tế-xã hội.

b) Tác động đối với xã hội:

- Đối với nhà nước:

Phương án này quy định rõ vai trò và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, đối tượng chịu thanh sát và thẩm quyền của thanh sát viên quốc tế, qua đó tăng cường tính minh bạch trong hoạt động thanh sát, góp

phần nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam, bảo đảm sự phát triển bền vững của ứng dụng NLNT vì hòa bình. Điều này đặc biệt cần thiết trong bối cảnh nước ta chuẩn bị xây dựng Trung tâm KH&CN hạt nhân với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu mới công suất 10MW, các yêu cầu về thanh sát hạt nhân được IAEA quan tâm ngay tại giai đoạn phê duyệt địa điểm.

- Đối với doanh nghiệp và người dân:

Doanh nghiệp, người dân từng bước nâng cao nhận thức về việc ứng dụng NLNT vì hòa bình là nghĩa vụ và cam kết quốc gia đối với mục tiêu không phổ biến hạt nhân, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm thực hiện các quy định quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân,

Doanh nghiệp, người dân tin tưởng vào vai trò của NLNT, đẩy mạnh hoạt động đầu tư, mở rộng ứng dụng năng lượng nguyên tử, phục vụ nhu cầu xã hội.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tích cực*: Tạo khung pháp lý hoàn thiện, giúp cơ quan có thẩm quyền thuận lợi hơn trong việc áp dụng Luật và tổ chức thực hiện trên thực tế, khắc phục việc thiếu các quy định đặc thù đối với hoạt động thanh sát hạt nhân; bảo đảm thực hiện tốt vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về thanh sát hạt nhân, đặc biệt là thực hiện các nghĩa vụ quốc gia, đáp ứng quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên; đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

- *Hạn chế*: Phương án này không có hạn chế.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Phương án này có khả năng phát sinh thủ tục hành chính đối với việc bổ sung các quy định trong đó yêu cầu tổ chức, đơn vị chịu thanh sát hạt nhân, cơ quan quản lý áp dụng, thực hiện các quy định về thanh sát hạt nhân, đặc biệt đối với các thủ tục khai báo, cấp giấy phép, xử lý vi phạm, cung cấp thông tin giữa các Đơn vị, Bộ ngành nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả hoạt động thanh sát.

e) Tác động về giới:

Phương án này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

4.2. Phương án 2

a) Tác động đối với kinh tế:

Phương án này không phát sinh chi phí để thực hiện các chính sách, quy định. Tuy nhiên, về lâu dài, có khả năng gây tăng chi phí phát sinh để giải quyết hậu quả của việc không bảo đảm các nghĩa vụ quốc gia, quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên (nếu xảy ra).

b) Tác động đối với xã hội:

Việc thiếu quy định trong luật dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc gia, quy định tại các điều ước quốc tế trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và thanh sát hạt nhân mà Việt Nam là nước thành viên, công tác phối hợp giữa các bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện hoạt động thanh sát hạt nhân cũng gặp khó khăn, vướng mắc.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ *Tích cực*: Không cần điều chỉnh, sửa đổi hệ thống các văn bản dưới luật kèm theo.

+ *Hạn chế*: Thiếu cơ sở pháp lý để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền triển khai hiệu quả hoạt động thanh sát hạt nhân và nhiều bất cập khác như đã được phân tích tại mục 1 – xác định vấn đề bất cập của Báo cáo này.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Phương án này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về giới:

Phương án này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** để quy định cụ thể thành các nội dung của dự thảo Luật NLNT (sửa đổi).

IV. CHÍNH SÁCH 4: QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NHIÊN LIỆU HẠT NHÂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

1. Xác định vấn đề bất cập

Chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng (sau đây viết tắt là chất thải phóng xạ) là nguồn phát bức xạ, có khả năng gây nguy hại đến sức khỏe con người và môi trường nếu không được quản lý một cách phù hợp trong mỗi giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ, gồm thu gom, xử lý, điều kiện hóa, lưu giữ, vận chuyển và chôn cất.

Theo khuyến cáo tại Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn quản lý chất thải phóng xạ¹¹ (sau đây viết tắt là Công ước chung) mà Việt Nam là thành viên từ năm 2014, hướng dẫn của IAEA¹² cũng như thông lệ quốc tế, mỗi quốc gia phải xây dựng hệ thống pháp luật về quản lý chất thải phóng xạ cho tất cả các giai đoạn khác nhau của quá trình quản lý chất thải phóng xạ. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống văn bản của Việt Nam mới chỉ có các quy định về quản lý chất thải phóng xạ trước khi chôn cất¹³, các quy định cho việc

¹¹ Joint Convention on the Safety of Spent Fuel Management and on the Safety of Radioactive Waste Management.

¹² IAEA, Policies and Strategies for Radioactive Waste Management.

¹³ Thông tư 22/2014/TT-BKHHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

quản lý dài hạn và chôn cất vĩnh viễn hay quản lý nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng vẫn còn thiếu. Để hoàn thiện hệ thống quản lý này, Việt Nam cần phải xây dựng:

(1) Chính sách quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ: Chính sách này bao gồm các mục tiêu hoặc yêu cầu để bảo đảm việc quản lý chất thải phóng xạ một cách an toàn và hiệu quả. Chính sách chủ yếu do chính phủ ban hành và có thể được luật hóa trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quốc gia.

Theo khuyến cáo tại Công ước chung: Các quốc gia cần xây dựng các chính sách và chiến lược phù hợp nhằm bảo đảm quản lý chất thải phóng xạ một cách an toàn đồng thời tối ưu về mặt kỹ thuật và tiết kiệm chi phí. Điều 32 Công ước chung quy định Báo cáo quốc gia về việc thực hiện nghĩa vụ của Công ước chung phải đề cập đến:

- Chính sách quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và thực tiễn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng;
- Chính sách quản lý chất thải phóng xạ và thực tiễn quản lý chất thải phóng xạ.

Bên cạnh đó, tháng 10/2009 và 10/2014, sau khi thực hiện đánh giá về cơ sở hạ tầng hạt nhân của Việt Nam, Đoàn đánh giá của IAEA đã xác định Việt Nam đang ở Giai đoạn 2 của chương trình điện hạt nhân và đưa ra khuyến cáo, Việt Nam cần có chính sách và chiến lược cụ thể về quản lý chất thải phóng xạ và nhiên liệu đã qua sử dụng.

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn chưa ban hành chính sách về quản lý chất thải phóng xạ như khuyến cáo của Quốc tế.

(2) Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ: Các nguyên tắc này những nội dung cần phải tuân thủ trong quá trình xây dựng và áp dụng của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất thải phóng xạ và chỉ phụ thuộc vào đối tượng điều chỉnh.

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, một số nguyên tắc về quản lý chất thải phóng xạ đã được nêu tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NLNT 2008, tuy nhiên các nguyên tắc này chưa đầy đủ, chưa bao gồm các nguyên tắc an toàn và an ninh cơ bản theo khuyến cáo của IAEA¹⁴.

(3) Cơ chế bảo đảm tài chính (phí, quỹ) cho việc quản lý chất thải phóng xạ: Cơ chế này có thể được thành lập dưới dạng quỹ quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ, bao gồm quỹ cung cấp tài chính và quỹ nghiên cứu chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý và các hoạt động liên quan khác. Quỹ này dự kiến dùng để vận hành cơ sở lưu giữ chất thải tập trung dưới dạng kho lưu giữ chất thải quốc gia hoặc kho nguồn quốc gia.

¹⁴ Handbook on Nuclear Law, IAEA 2010.

Theo kinh nghiệm quốc tế¹⁵, quỹ được hình thành do sự tham gia đóng góp của nhà nước, tổ chức làm phát sinh chất thải, tổ chức quản lý chất thải với tỉ lệ đóng góp theo từng giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ và phụ thuộc vào đặc tính của chất thải phóng xạ được đưa vào quản lý.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định liên quan đến việc đóng góp tài chính cho Quỹ bảo vệ môi trường và ký quỹ bảo vệ môi trường¹⁶. Tuy nhiên đối tượng phải đóng góp tài chính và ký quỹ không bao gồm các cơ sở có hoạt động có phát sinh chất thải phóng xạ (trừ các hoạt động liên quan đến khai thác khoáng sản). Bên cạnh đó, Việt Nam hiện tại có quy định và chủ trương về việc xây dựng kho nguồn quốc gia¹⁷ để lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, tuy nhiên đến thời điểm này chúng ta vẫn chưa có kho nguồn quốc gia. Vì vậy, việc quản lý chất thải phóng xạ nói chung và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng nói riêng hiện đang được lưu giữ tạm thời tại 03 kho nguồn thuộc Viện NLNT Việt Nam với tổng số lượng lên đến gần 3000 nguồn phóng xạ và lưu giữ rải rác tại các sở bức xạ trên cả nước với tổng số lượng khoảng 1700 nguồn phóng xạ. Thực tế cho thấy, nhiều cơ sở tiến hành công việc bức xạ khi không còn nhu cầu sử dụng mong muốn được chuyển nguồn phóng xạ về kho lưu giữ tập trung để giảm tải gánh nặng trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh và thủ tục cấp phép lưu giữ. Tuy nhiên, do chưa có quy định về việc thu phí lưu giữ nguồn phóng xạ nên đây là khó khăn cho cả cơ sở có nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và đơn vị có năng lực lưu giữ nguồn phóng xạ. Điều này dẫn đến nguy cơ mất nguồn phóng xạ, tiềm ẩn nhiều rủi ro về mất an ninh nguồn phóng xạ.

(4) Quy định trách nhiệm rõ ràng giữa các bên có liên quan, từ cơ quan quản lý nhà nước đến tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải phóng xạ cũng như tổ chức có chức năng quản lý chất thải phóng xạ:

Theo quy định hiện hành¹⁸, công tác quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ được giao cho Bộ KH&CN và Bộ Xây dựng. Theo đó, Bộ Xây dựng chủ trì lập quy hoạch địa điểm chôn cất, lưu giữ chất thải phóng xạ và phê duyệt địa điểm kho lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia, địa điểm chôn cất chất thải phóng xạ và Bộ KH&CN chịu trách nhiệm về các vấn đề an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, đây vẫn là trách nhiệm chung trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân nên cần làm rõ trách nhiệm cụ thể của Bộ KH&CN về quản lý chất thải phóng xạ.

Bên cạnh đó, khi Việt Nam hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm quản lý đầy đủ các giai đoạn của quản lý chất thải phóng xạ từ khi phát sinh đến khi chôn cất chất thải phóng xạ, cần có sự tham gia và phân công trách nhiệm cho các Bộ

¹⁵ Hàn Quốc, Radioactive waste management Act

¹⁶ Điều 53 và Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường 2020

¹⁷ Khoản 7 Điều 25 Luật NLNT 2008 2008 và Quyết định số 2376/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050

¹⁸ Điểm e khoản 1 Điều 14, khoản 9 Điều 25 Luật NLNT 2008 2008 và Điều 2 Quyết định số 2376/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn tới năm 2050

ngành có liên quan khác như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Như vậy, từ kinh nghiệm, khuyến cáo của quốc tế và đến thực tiễn của Việt Nam cho thấy yêu cầu cấp thiết đối với việc sửa đổi quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng nhằm xử lý được các vấn đề bất cập như đã nêu ở trên.

2. Mục tiêu của chính sách

1. Bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ cho tất cả các giải đoạn từ thu gom, xử lý, điều kiện hóa, lưu giữ, vận chuyển và chôn cất chất thải phóng xạ.

2. Xây dựng cơ chế bảo đảm tài chính cho việc quản lý tập trung và chôn cất chất thải phóng xạ;

3. Quy định về quản lý chất thải phóng xạ phù hợp với thông lệ, quy định của quốc tế và điều kiện về kinh tế, xã hội của Việt Nam.

4. Nội luật hóa các cam kết tại Công ước chung về quản lý an toàn nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và quản lý an toàn chất thải phóng xạ mà Việt Nam đã là thành viên từ năm 2014.

3. Các giải pháp thực hiện chính sách

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện hành.

3.2. Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, theo hướng:

a) Bổ sung các quy định về xây dựng chính sách quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ, nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, thành lập quỹ quản lý chất thải phóng xạ và quy định về việc xuất khẩu chất thải phóng xạ;

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 25: Xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, trong đó tách riêng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải phóng xạ và cơ sở quản lý chất thải phóng xạ; lược bỏ các quy định chi tiết về kỹ thuật; bổ sung quy định về chuyển giao chất thải phóng xạ;

c) Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan, gồm: Bộ KH&CN, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Các quy định này được thiết kế thành một chương riêng thay vì nằm rải rác tại các Điều, khoản của Luật 2008.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

* Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước:

+ Việc chưa có Quỹ quản lý chất thải phóng xạ quốc gia dẫn đến nhà nước tốn kinh phí từ nguồn ngân sách cho việc thu gom, xử lý các nguồn phóng xạ vô chủ, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng mà chủ sở hữu bị phá sản, giải thể, không còn năng lực lưu giữ, quản lý.

+ Việc chưa có chính sách rõ ràng về quản lý chất thải phóng xạ, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết của Việt Nam theo Công ước chung.

+ Gây ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước do chưa thiết lập hành lang pháp lý đầy đủ về quản lý chất thải phóng xạ cho đến khi chôn cất vĩnh viễn chất thải phóng xạ.

- Đối với doanh nghiệp:

Gây gánh nặng cho doanh nghiệp trong việc lưu giữ chất thải, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại cơ sở. Do đó, việc này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển ứng dụng NLNT trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với người dân và xã hội:

Việc chưa có cơ sở lưu giữ chất thải tập trung do chưa có cơ chế bảo đảm tài chính cho hoạt động này dẫn đến nguy cơ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng bị mất, thất lạc, bị lấy cắp hay chất thải phóng xạ không được thu gom, xử lý để đưa vào chôn cất vĩnh viễn, bảo đảm an toàn, an ninh. Điều này dẫn đến tâm lý hoang mang, lo sợ và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

* Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước:

Không mất nguồn lực để nghiên cứu xây dựng các chính sách, thành lập tổ chức quỹ quản lý chất thải phóng xạ, cơ quan quốc gia về quản lý chất thải phóng xạ; xây dựng quy hoạch về chôn cất chất thải phóng xạ.

- Đối với doanh nghiệp:

Không tốn chi phí về cập nhật quy định mới, thay đổi phương thức quản lý.

- Đối với người dân và xã hội: Không đáng kể.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách hiện hành không có sự phân biệt về giới.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm phát sinh mới thủ tục hành chính.

d) Tác động về hệ thống pháp luật:

Không tác động đối với hệ thống pháp luật do quy định không thay đổi.

4.2. Phương án 2

a) Tác động về kinh tế, xã hội:

** Tác động tiêu cực:*

- Đối với Nhà nước:

+ Phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản nhằm hệ thống, đồng bộ, thống nhất quản lý nhà nước từ khi chất thải phóng xạ phát sinh đến chôn cất vĩnh viễn;

+ Đầu tư thêm thời gian, nhân lực để xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở quốc gia quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng;

+ Nhà nước phát sinh thêm chi phí để thẩm định, xác định mức kinh tế về quản lý chất thải phóng xạ.

- Đối với doanh nghiệp, người dân và xã hội: Không có.

** Tác động tích cực:*

- Đối với Nhà nước:

+ Chính sách này điều chỉnh, phân công lại trách nhiệm về quản lý chất thải phóng xạ bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý, tạo tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất trong quá trình quản lý; giúp tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với chất thải phóng xạ;

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý chất thải phóng xạ từ khi phát sinh đến khi đưa vào chôn cất;

+ Việt Nam có cơ chế xây dựng quỹ quản lý chất thải phóng xạ, được huy động từ nhiều nguồn khác nhau; chất thải phóng xạ được thu gom, xử lý, lưu giữ tập trung cho đến khi lựa chọn được phương án chôn cất và đóng cửa cơ sở chôn cất bằng nguồn tiền từ quỹ sẽ giảm gánh nặng cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp:

+ Việc quản lý chất thải phóng xạ thống nhất tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ các quy định;

+ Xác định mức chi phí về quản lý chất thải phóng xạ ngay từ giai đoạn đầu áp dụng kỹ thuật hạt nhân; giảm thời gian chi phí cho việc tự quản lý.

+ Có cơ hội chuyển giao chất thải phóng xạ cho cơ sở quản lý tập trung mà không phải chịu sự thanh tra, kiểm tra định kỳ, làm thủ tục cấp phép gia hạn cho việc lưu giữ chất thải phóng xạ.

- Đối với người dân và xã hội:

Kiểm soát tốt công tác quản lý chất thải phóng xạ dẫn đến người dân và xã hội được bảo vệ tốt hơn đối với các tác hại của bức xạ gây ra từ chất thải phóng xạ trong tất cả giai đoạn của quá trình quản lý chất thải phóng xạ.

b) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các quy định về chất thải phóng xạ là quy định chung, không phân biệt giới. Tuy nhiên, khi xét về hiệu ứng sinh học của bức xạ, thì đối với phụ nữ mang thai, giai đoạn phôi thai dễ bị ảnh hưởng bởi bức xạ nhất là quá trình hình thành cơ quan (tuổi thai từ 2 đến 7 tuần) và trong ba tháng đầu của thời kỳ mang thai. Vì vậy, việc quy định chính sách rõ ràng, cụ thể sẽ giảm tác động của bức xạ đến phụ nữ trong giai đoạn mang thai. Do đó, bảo đảm sức khỏe, sự công bằng trong tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp để phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống của các nhóm đối tượng này.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định làm phát sinh thủ tục hành chính mới cho giai đoạn chôn cất chất thải phóng xạ và đóng cửa cơ sở chôn cất chất thải phóng xạ.

d) Tác động về hệ thống pháp luật:

Cần sự rà soát, hệ thống hoá toàn diện các quy định và sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật sửa đổi; bao gồm quy định quy định về quản lý chất thải phóng xạ một cách hệ thống, đồng bộ, từ xây dựng chính sách của nhà nước, đến văn bản dưới luật cho tất cả các giai đoạn của quản lý chất thải phóng xạ từ khi phát sinh đến khi chôn cất; Xây dựng về cơ chế thành lập quỹ quản lý chất thải phóng xạ và quy định rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích nêu trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2** là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với thông lệ quốc tế, giúp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với vấn đề quản lý chất thải phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

V. CHÍNH SÁCH 5: ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ, SỰ CỐ HẠT NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI HẠT NHÂN

V.1. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ, SỰ CỐ HẠT NHÂN

1. Vấn đề bất cập

Thứ nhất, kế hoạch ứng phó sự cố được xây dựng cho cả 2 giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn ứng phó, do đó cần xem xét đến nguy cơ, mức độ rủi ro của các công việc bức xạ hoặc các hoạt động có thể dẫn đến sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân. Các nhóm tình huống quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật NLNT chỉ xác định hậu quả sự cố khi xảy ra trên thực tế nhằm mục đích phân định mức độ áp dụng triển khai các biện pháp ứng phó sự cố nên **không phù hợp** làm căn cứ xây dựng kế hoạch ứng phó.

Trong hệ thống Tiêu chuẩn an toàn của Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Yêu cầu an toàn cơ bản (GSR) có vai trò rất quan trọng và được hầu hết các quốc gia tham khảo khi xây dựng hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực NLNT. Đối với công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố, Tiêu chuẩn an toàn về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân “*Preparedness and Response for a Nuclear or Radiological Emergency*” của IAEA, 2006 (GSR Part 7) đặt ra các yêu cầu quan trọng nhất cần thiết lập, trong đó Yêu cầu số 4 Hướng dẫn việc đánh giá mức độ nguy hiểm và từ đó đưa ra cách tiếp cận theo cấp độ trong việc chuẩn bị và ứng phó sự cố theo **5 nhóm nguy cơ** với định nghĩa là tập hợp các cơ sở, các hoạt động có khả năng gây sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân với mức độ nghiêm trọng tương đương nhau, cụ thể: (1) Nhóm I: nhà máy điện hạt nhân, bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng, cơ sở lưu giữ chất phóng xạ lớn có thể gây ra hiệu ứng tât định; (2) Nhóm II: Lò nghiên cứu, cơ sở lưu giữ chất phóng xạ nguy hiểm cần hành động bảo vệ khẩn cấp ngoài khu vực; (3) Nhóm III: lò nghiên cứu nhỏ (lò nghiên cứu Đà Lạt, cơ sở chiếu xạ công nghiệp); (4) Nhóm IV: các công việc bức xạ và hoạt động khác có thể dẫn đến sự cố liên quan đến nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát; (5) Nhóm V: các vùng trong khu vực lập kế hoạch ứng phó sự cố đối với sự cố xuyên biên giới.

Bên cạnh đó, tại Điều 7 Luật Phòng thủ dân sự 2023 (PTDS) chia cấp độ phòng thủ dân sự thành 3 cấp nhằm phân định mức độ áp dụng các biện pháp của các cấp chính quyền trong phạm vi quản lý để ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, làm cơ sở xác định trách nhiệm, biện pháp, nguồn lực của các cấp chính quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự. Đề tương thích với Luật PTDS và cũng phù hợp với mục tiêu triển khai ứng phó sự cố ở 3 cấp (cơ sở, cấp tỉnh, cấp quốc gia) thì trong nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố các cấp cần xác định và phân loại cụ thể cấp độ sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân. Các nội dung mang tính chất kỹ thuật này (phạm vi ảnh hưởng, khả năng lan rộng, hậu quả xảy ra; đặc điểm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, dân cư, ...; khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả của các cấp) sẽ được quy định và hướng dẫn chi tiết ở văn bản cấp Chính phủ hoặc cấp Bộ.

Thứ hai, khoản 5 Điều 83 Luật NLNT quy định tất cả các loại hình công việc bức xạ cần xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, nhưng chưa có sự xem xét đến đặc thù hoạt động và các công việc bức xạ đơn giản, không thể gây ra sự cố đáng kể. Điều này dẫn đến tăng gánh nặng về thủ tục và yêu cầu công tác triển khai cho cơ sở. Do đó, về nguyên tắc các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ vẫn cần xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở để bảo đảm tính chủ động trong công tác chuẩn bị và ứng phó khi xảy ra sự cố trên thực tế. Tuy nhiên việc yêu cầu về phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở cần được phân loại phù hợp với nguy cơ, mức độ rủi ro trong công việc bức xạ.

Khoản 5 Điều 83 Luật NLNT cũng quy định: “Bộ KH&CN hướng dẫn việc lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh”. Thông tư số 12/2023/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN đưa ra hướng dẫn cụ thể cho quy định này. Việc Bộ KH&CN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh cho thấy sự bảo đảm vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực NLNT. Cho đến nay 58/63 địa phương đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, theo dự kiến đến 2025 tất cả các địa phương trong cả nước sẽ hoàn thành Kế hoạch ứng phó sự cố. Do đó, sau khi Kế hoạch ứng phó sự cố được Bộ KH&CN phê duyệt, việc cập nhật, bổ sung Kế hoạch nên được xem xét định kỳ (có thể theo chu kỳ 5 năm) và giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh phê duyệt trên cơ sở có ý kiến chuyên môn của Bộ KH&CN (qua Cục ATBXHN). Cách thức này sẽ duy trì được sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với Bộ KH&CN, đồng thời thể hiện được trách nhiệm cao nhất, trực tiếp của địa phương, qua đó tăng cường tính chủ động, xây dựng năng lực ứng phó sự cố trong phạm vi của tỉnh.

Thứ ba, các khoản 2, 3 và 4 Điều 83 Luật NLNT quy định tần suất tổ chức diễn tập ứng phó sự cố ở cấp cơ sở, cấp tỉnh định kỳ hàng năm, cấp quốc gia định kỳ 2 năm. Quy định này trong thực tiễn chưa phù hợp với đặc thù cơ sở (sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ loại hình khác nhau), quy mô triển khai cấp tỉnh và cấp quốc gia, đặc biệt là việc bố trí nguồn lực để triển khai. Theo thống kê đến năm 2023, chỉ có khoảng 20 địa phương tổ chức diễn tập ít nhất 01 lần kể từ khi được phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, dưới 10 địa phương tổ chức diễn tập thường xuyên hàng năm theo tần suất quy định tại Luật NLNT (TP. Hà Nội, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Lâm Đồng, ...), nhiều cơ sở tiến hành công việc bức xạ chưa thực hiện việc diễn tập định kỳ hàng năm (phần lớn là các cơ sở có loại hình công việc bức xạ đơn giản như sử dụng máy phát tia X trong công nghiệp, thiết bị huỳnh quang tia X, thiết bị X- quang ứng dụng trong y tế, nguồn phóng xạ hoạt độ thấp, ...). Trong quá trình khảo sát, đánh giá tình hình thi hành Luật NLNT, nhiều địa phương đã đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét việc giảm tần suất diễn tập hoặc giao chủ động cho địa phương, cơ sở trong việc tổ chức diễn tập định kỳ nhưng tần suất phụ thuộc vào mức độ nguy cơ xảy ra sự cố, quy mô các ứng dụng bức xạ và hạt nhân trên địa bàn.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Bảo đảm các quy định về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố đồng bộ với quy định tại các Luật mới ban hành (Luật PTDS) và các quy định về ứng phó sự cố, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phù hợp với thực tiễn của hoạt động ứng dụng NLNT và bảo đảm hài hòa với các hướng dẫn của quốc tế về ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

b) Khắc phục bất cập, khó khăn trong thực tiễn triển khai các quy định của Luật về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố trên phạm vi cả nước ở cả ba cấp: cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Phương án 1. Giữ nguyên như hiện nay quy định về công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

3.2. Phương án 2. Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập, khó khăn trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố, cụ thể:

a) Bổ sung quy định về nhóm nguy cơ và cấp độ sự cố, thay thế cho nhóm tình huống, để làm cơ sở xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

b) Giao thẩm quyền cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh (sau khi được Bộ KH&CN phê duyệt) về UBND cấp tỉnh. Giao Chính phủ quy định việc phân loại cụ thể việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở theo loại hình, quy mô hoạt động.

c) Điều chỉnh quy định về tần suất diễn tập ứng phó sự cố. Giao Chính phủ quy định tần suất diễn tập ứng phó sự cố các cấp phù hợp với nguy cơ, quy mô, phạm vi công việc bức xạ.

4. Đánh giá tác động của các phương án

4.1. Phương án 1. Giữ nguyên như hiện nay.

a) Tác động kinh tế

* Đối với nhà nước:

- Tích cực: không phát sinh thêm chi phí nghiên cứu, xây dựng và hướng dẫn các văn bản pháp luật liên quan đến ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

- Hạn chế: khó khăn về bố trí nguồn lực, thời gian và kinh phí liên quan đến việc triển khai kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia, cấp tỉnh (tăng cường trang thiết bị, tổ chức diễn tập định kỳ), đặc biệt đối với các tỉnh có quy mô dân số không lớn và ứng dụng NLNT không nhiều.

* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Tích cực: không mất thêm chi phí liên quan đến xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở.

- Hạn chế: khó khăn về bố trí nguồn lực, thời gian và kinh phí để đáp ứng các quy định hiện hành về tổ chức thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở như việc tổ chức diễn tập định kỳ hàng năm, nhất là đối với một số loại hình ứng dụng bức xạ đơn giản như thiết bị huỳnh quang tia X ứng dụng trong công nghiệp và y tế, nguồn phóng xạ hoạt độ thấp,

b) Tác động xã hội

* Đối với nhà nước:

- Tích cực: Góp phần nâng cao nhận thức, công tác ứng phó sự cố dần đi vào nề nếp, có sự phân cấp kế hoạch ứng phó sự cố, quy định trách nhiệm của Chính phủ, Bộ ngành và địa phương.

- Hạn chế:

+ Cơ chế phối hợp giữa cơ quan Trung ương và địa phương chưa rõ ràng, chặt chẽ đặc biệt khi sự cố xảy ra.

+ Tính khả thi về tần suất tổ chức diễn tập ở cấp quốc gia và cấp tỉnh đối với nhiều địa phương không cao.

* Đối với người dân, doanh nghiệp:

- Tích cực: góp phần nâng cao nhận thức, tầm quan trọng về công tác chuẩn bị và sẵn sàng ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của cơ sở và toàn xã hội.

- Hạn chế: Các yêu cầu về chuẩn bị và ứng phó sự cố còn nặng tính kỹ thuật về thuật ngữ, khái niệm và trang thiết bị, gây khó khăn đối với việc triển khai tại nhiều cơ sở và địa phương. Bên cạnh đó, việc chưa đồng bộ trách nhiệm trong hệ thống pháp luật về ứng phó sự cố dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện, có thể gây tâm lý hoang mang, thiếu tin tưởng của người dân liên quan đến vấn đề an toàn, an ninh trong ứng dụng bức xạ, nguồn phóng xạ.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động thủ tục hành chính: Không thay đổi thủ tục hành chính của 3 cấp cơ sở, địa phương và quốc gia

đ) Tác động hệ thống pháp luật:

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Hạn chế:

+ Tính khả thi không cao khi thực hiện quy định về bảo đảm tần suất diễn tập ở cả ba cấp.

+ Chưa có sự đồng bộ với Luật PTDS và một số văn bản mới ban hành về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

4.2. **Phương án 2.** Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

a) Tác động kinh tế

* Đối với Nhà nước:

- Tích cực

+ Giảm chi phí chung (nguồn nhân lực, trang thiết bị, kinh phí,...) liên quan đến việc thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở (cho các loại hình đơn giản); tạo sự thuận tiện và giảm thiểu chi phí, thời gian khi giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh được bổ sung, cập nhật định kỳ theo quy định.

+ Tiết kiệm nguồn lực, thời gian do điều chỉnh quy định về tổ chức diễn tập định kỳ ở cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

* Đối với người dân, doanh nghiệp

- Tích cực:

+ Giảm chi phí tài chính cho việc xây dựng và phê duyệt đối với các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ đơn giản.

+ Giảm chi phí tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ hàng năm ở cấp cơ sở thông qua việc giảm số lượng cơ sở cần phải tổ chức diễn tập (như các cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ có mức độ nguy hiểm bức xạ không đáng kể) và phân mức tần suất diễn tập theo các loại hình cơ sở khác nhau (theo dự kiến thì chỉ các cơ sở lớn thuộc nhóm nguy cơ I, II, III phải tổ chức diễn tập định kỳ hàng năm, các cơ sở khác có thể tổ chức với tần suất 3 năm).

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

b) Tác động xã hội:

* Đối với Nhà nước

- Tích cực: Đồng bộ với các quy định tại Luật PTDS và một số văn bản mới ban hành về ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, qua đó tạo thuận lợi cho công tác phối hợp ứng phó sự cố từ Trung ương đến địa phương, góp phần đẩy mạnh việc thực hiện các yêu cầu chuẩn bị và ứng phó sự cố trong cả nước, tăng tính chủ động sẵn sàng của bộ ngành và địa phương.

- Hạn chế: Cơ bản không có hạn chế của phương án này.

* Đối với người dân, doanh nghiệp

- Tích cực:

+ Nâng cao niềm tin cho người dân, xã hội về đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì hòa bình.

+ Doanh nghiệp tiếp tục có cơ hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm với công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

- Hạn chế:

+ Doanh nghiệp cần nâng cao văn hóa an toàn, an ninh và chủ động hơn trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

c) Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính

- Không tạo thêm thủ tục hành chính mới, giảm thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh.

- Giảm số cơ sở phải phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, Bộ KH&CN không phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh sẽ tiết kiệm nhân lực, thời gian cho việc thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến thẩm định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố.

đ) Tác động đến hệ thống pháp luật

Tạo khung pháp lý hoàn thiện, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, hướng dẫn của quốc tế; khắc phục những bất cập hiện nay và tạo sự ổn định của hệ thống, giúp cơ quan có thẩm quyền, các đối tượng chịu sự tác động thuận tiện hơn trong việc áp dụng Luật trên thực tế.

Phương án này không phát sinh bộ máy quản lý, nhân sự trong quá trình thực thi. Tuy nhiên cần phải xem xét quy định tần suất diễn tập kế hoạch ứng phó sự cố phù hợp với loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ, quy mô ứng dụng bức xạ tại từng địa phương.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ việc phân tích, đánh giá về ưu, nhược điểm của các giải pháp nêu trên, Bộ KH&CN đề nghị lựa chọn **Phương án 2**. Điều chỉnh, bổ sung một số quy định phù hợp với mục tiêu và giải quyết các vấn đề bất cập trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố.

V.2. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG) THIẾT HẠI BỨC XẠ, THIẾT HẠI HẠT NHÂN

1. Xác định vấn đề bất cập

1.1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một vấn đề quan trọng được cộng đồng quốc tế nói chung và rất nhiều quốc gia rất quan tâm khi phát triển các ứng dụng NLNT, đặc biệt là triển khai chương trình điện hạt nhân. Trong quá trình thực hiện Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, các đối tác Nhật, Nga và các bên liên quan khác như Hoa Kỳ, Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), Cộng đồng châu Âu

(EC) cũng rất quan tâm đến các quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của luật pháp Việt Nam. Họ cũng chỉ ra các quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam chưa phù hợp, chưa đầy đủ theo quy định của pháp luật quốc tế, cụ thể là Công ước Viên về Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân (Công ước Viên) và Công ước Bồi thường bổ sung đối với thiệt hại hạt nhân (CSC). Đây là hai công ước mà Việt Nam phải lựa chọn tham gia nếu có kế hoạch tái khởi động dự án điện hạt nhân. Luật hạt nhân của hầu hết các nước đều có một chương riêng về trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại hạt nhân.

Sự cố hạt nhân, mặc dù được đánh giá là có nguy cơ xảy ra thấp, nhưng có thể gây ra thiệt hại hạt nhân lớn, dẫn đến yêu cầu bồi thường rất lớn. Vì vậy, pháp luật dân sự truyền thống hoặc pháp luật hình sự được coi là không đủ để giải quyết các yêu cầu bồi thường thiệt hại hạt nhân.

Do đó, việc quy định thiệt hại bức xạ cùng một điều với thiệt hại hạt nhân của Luật NLNT 2008 (Điều 87, Điều 88, Điều 89) là không phù hợp vì bồi thường thiệt hại bức xạ được quy định theo pháp luật dân sự, còn bồi thường thiệt hại hạt nhân – do tính đặc thù của mình – được quy định tại Luật NLNT 2008.

1.2. Quy định tại khoản 2 Điều 87 về đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân chưa phù hợp với quy định của luật pháp quốc tế. Đối tượng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam chưa quy về một đối tượng cụ thể, duy nhất. Việc này đã khiến cho nhiều nhà thầu, công ty kinh doanh công nghệ, thiết bị, vật liệu hạt nhân và những đối tác quan trọng của Việt Nam bày tỏ nhiều lo ngại khi hợp tác với Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Theo quy định quốc tế, chỉ có duy nhất tổ chức được cấp giấy phép vận hành (*operator*) chịu trách nhiệm bồi thường khi xảy ra thiệt hại hạt nhân.

1.3. Mức bồi thường thiệt hại hạt nhân của Luật hiện hành không phù hợp với quy định chung của quốc tế. Điểm c khoản 2 Điều 88 Luật NLNT 2008 quy định tổng mức bồi thường thiệt hại đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân không vượt quá 150 triệu SDR¹⁹. Theo quy định tại điều ước quốc tế²⁰ và khuyến cáo của Cơ quan NLNT quốc tế (IAEA), tổng mức bồi thường tối thiểu cho mỗi sự cố hạt nhân xảy ra tại mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm 300 triệu SDR.²¹

Từ những bất cập nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định về bồi thường thiệt hại tại Luật NLNT 2008, tạo ra hành lang pháp lý để Chính phủ, các Bộ có thể quy phạm hóa các quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân để thực thi đồng bộ chính sách về bồi thường thiệt hại, phù hợp với pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế.

¹⁹SDR quy định tại khoản này là đơn vị tiền tệ do Quỹ tiền tệ quốc tế xác định, là quyền rút vốn đặc biệt, được quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán bồi thường.

²⁰ Công ước Viên về Trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại hạt nhân năm 1963, sửa đổi, bổ sung năm 1997; Điều I.A.

²¹ Handbook on Nuclear Law, IAEA 2010, Chương 11, trang 107.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Khắc phục các bất cập của các quy định tại Luật NLNT 2008 về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại) đối với thiệt hại hạt nhân;

b) Phân biệt rạch ròi giữa thiệt hại bức xạ (được điều chỉnh theo pháp luật dân sự) và thiệt hại hạt nhân (được điều chỉnh tại pháp Luật NLNT 2008);

c) Bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo niềm tin của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam;

d) Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân;

đ) Bảo đảm tính khả thi trong việc xác định thiệt hại, bảo đảm nguồn tài chính để bồi thường thiệt hại hạt nhân.

3. Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

Đề xuất 2 phương án giải pháp thực hiện chính sách:

3.1. Phương án 1:

Giữ nguyên như quy định của Luật hiện hành.

3.2. Phương án 2:

Sửa đổi các quy định sau của Luật NLNT 2008:

- Tách quy định về bồi thường thiệt hại bức xạ thành một Điều riêng và quy định “*trách nhiệm bồi thường thiệt hại bức xạ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự.*”; các điều khác chỉ quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Sửa quy định về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân từ “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu giao quyền lưu giữ, sử dụng vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân*” thành “*Tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân.*”

- Quy định mức trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân đối với mỗi sự cố xảy ra tại nhà máy điện hạt nhân là 300 SDR.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Tác động của Phương án 1

a) Tác động về kinh tế:

* Lợi ích:

- Với Nhà nước: Không phát sinh thêm các chi phí và ngân sách.

- Với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân: Không thay đổi so với hiện trạng.

- Với người dân: Không thay đổi so với hiện trạng.

** Chi phí:*

- Với Nhà nước: Không thay đổi so với hiện trạng.
- Với doanh nghiệp:

Nếu giữ nguyên quy định hiện tại, tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân vừa phải mua bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường là ba loại hình bảo hiểm bảo đảm cho doanh nghiệp chi trả để bồi thường thiệt hại hạt nhân. Việc này gây gánh nặng tài chính cho tổ chức.

- Với người dân: Không phát sinh chi phí.

b) Tác động về xã hội:

Không có tác động về xã hội.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về hệ thống pháp luật:

Không phát sinh sự thay đổi trong hệ thống pháp luật hiện hành; Không gây ra chồng chéo, xung đột với các hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên việc Chính phủ phải quy định về việc mua bảo hiểm sẽ tác động đến pháp luật về bảo hiểm.

đ) Tác động về giới: Không phát sinh các vấn đề về giới.

4.2. Tác động của Phương án 2

a) Tác động về kinh tế:

- Đối với nhà nước:

Nhà nước sẽ giảm được ngân sách để đóng góp và duy trì Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Đối với doanh nghiệp

Đối với tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân, chi phí cho việc mua bảo hiểm có thể tăng lên gấp đôi, tuy nhiên sẽ tiết giảm được chi phí đóng góp cho Quỹ hỗ trợ bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Đối với người dân

Trong trường hợp xảy ra sự cố hạt nhân, người dân sẽ bảo đảm được nhận bồi thường trên cơ sở ưu tiên cho thiệt hại về tính mạng và tổn thương đối với sức khỏe con người.

b) Tác động về xã hội

Việc sửa đổi các quy định theo Giải pháp 2 sẽ tạo tâm lý an tâm cho xã hội, giảm bớt sự lo ngại đối với nguy cơ xảy ra sự cố hạt nhân; tạo niềm tin của các

đối tác, nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia vào các dự án về NLNT, về điện hạt nhân ở Việt Nam; Nâng cao trách nhiệm của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân trong việc bảo đảm an toàn và phòng ngừa sự cố xảy ra đối với cơ sở hạt nhân

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh tác động về thủ tục hành chính.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Giải pháp này sẽ bảo đảm quy định về bồi thường thiệt hại hạt nhân của Việt Nam phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, góp phần tăng cường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên cần phải xem xét sửa đổi pháp luật kinh doanh bảo hiểm để bổ sung loại hình “*bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại hạt nhân.*”

đ) Tác động về giới:

Giải pháp 2 này không phát sinh tác động về giới.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2** vì các lý do sau:

- Xác định rõ đối tượng chịu trách nhiệm duy nhất trong việc bồi thường thiệt hại hạt nhân.

- Bảo đảm tài chính cho việc bồi thường thiệt hại hạt nhân. Ngoài trách nhiệm bồi thường của tổ chức vận hành cơ sở hạt nhân; Nhà nước sẽ sử dụng Ngân sách để hỗ trợ trong một số trường hợp.

- Các quy định sửa đổi là phù hợp với luật pháp quốc tế, pháp luật Việt Nam; tạo ra sự an tâm của các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế tham gia các hoạt động ứng dụng NLNT vì mục đích hòa bình tại Việt Nam, đặc biệt khi tái khởi động chương trình điện hạt nhân.

- Tác động tốt đến tâm lý xã hội.

- Chi phí thực thi chính sách là nhỏ so với tác động tích cực đạt được.

VI. CHÍNH SÁCH 6: HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

VI.1. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ KHAI BÁO

1. Xác định vấn đề bất cập

Chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT về khai báo hiện nay theo quy định tại Điều 72 Luật NLNT 2008. Tổ chức và thực hiện khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân về số lượng, loại, đặc tính, xuất xứ và các thông tin khác quy định tại khoản 3 Điều 22 của Luật

NLNT 2008. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai các chính sách này trong thực tế đã xuất hiện những vấn đề bất cập như sau:

Vấn đề 1: Theo thẩm quyền và phân cấp quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chính sách về quản lý và cấp phép liên quan đến thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. Việc khai báo theo quy định hiện hành của Luật NLNT 2008: khai báo về Cơ quan an toàn bức xạ (Cục ATBXHN) đối với thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế là không phù hợp với thực tế xã hội và gây khó khăn cho công tác quản lý tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ không có thông tin để quản lý và triển khai thực hiện chính sách tổ chức khai báo, cấp phép liên quan.

Vấn đề 2: Việc tổ chức thực hiện “*khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo*” được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép (QCVN 5: 2010/BKHCN). Tuy nhiên, Quy chuẩn này không bao gồm các quy định liên quan đến: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển.

Các đối tượng này chưa có chính sách quản lý này là những đối tượng thường gặp trong thực tiễn và cần thiết phải có chính sách quản lý để bảo đảm an toàn cho xã hội và cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế, cụ thể:

Ví dụ 1: Hiện nay, đối với một số hàng hóa có chứa chất phóng xạ (đầu dò báo khói, báo cháy chứa nguồn phóng xạ như: Am-241, Kr-85, Ra-226 và một số hàng hóa sử dụng một số lượng nhỏ chất phóng xạ đều trên mức miễn trừ khai báo, cấp phép), việc khai báo, cấp phép đối với các thiết bị chứa các nguồn phóng xạ này có bất cập và khó thực thi trong thực tế. Luật NLNT 2008 chưa quy định việc ban hành các hàng hóa chứa chất phóng xạ thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ khác cần ban hành.

Ví dụ 2: Việc thực hiện khai báo khi tổ chức, cá nhân chuyển nhượng, chuyển giao thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ hoặc giảm số lượng thiết bị bức xạ sẽ nâng cao nhận thức và công tác bảo đảm an toàn cũng như giảm thiểu rủi ro, nguy cơ xảy ra sự cố từ việc chuyển giao thiết bị bức xạ (gắn nguồn phóng xạ) và nguồn phóng xạ. Tuy nhiên vấn đề này còn chưa có quy định trong Luật NLNT 2008 hiện nay.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cũng như của Cơ quan quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân trong việc đảm bảo an toàn về sức khỏe, tính mạng cho con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội;

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

a) *Đối với vấn đề 1:* Đối với việc khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế: Quy định khai báo về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc phân cấp cho Cơ quan chuyên môn quản lý về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) *Đối với vấn đề 2:* Đối với việc tổ chức thực hiện “khai báo chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo”: Chính phủ /Bộ KH&CN có trách nhiệm quy định chi tiết vấn đề này. Theo đó sẽ bổ sung quy định về miễn trừ đối với: Chất thải phóng xạ dạng khí hoặc dạng lỏng sinh ra trong công việc bức xạ được thải vào môi trường theo kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Thực phẩm, nước uống, thức ăn gia súc và các nguyên liệu được dùng trong chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc, hàng hóa tiêu dùng; Chất phóng xạ trong vận chuyển.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

- Chi phí: Vì chưa có quy định khai về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nên tổ chức, cá nhân phải tiếp tục thực hiện khai báo lần nữa đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện thủ tục hành chính này. Việc này dẫn đến việc lãng phí kinh phí của tổ chức, cá nhân.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.
- Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này.
- Chi phí: Giảm chi phí thực hiện theo giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.
- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về khai báo.

VI.2. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP

1. Xác định vấn đề bất cập

a) *Vấn đề 1*: Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Theo quy định tại Điều 2 Luật NLNT 2008 thì “*Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tiến hành các hoạt động trong lĩnh vực NLNT tại Việt Nam.*” Điểm a, khoản 1, Điều 75: điều kiện cấp phép: “*Được thành lập theo quy định của pháp luật*”. Thực tế trong thời gian qua, có những công ty nước ngoài không có Văn phòng đại diện hoặc Chi nhánh ở Việt Nam đã nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam. Tuy nhiên, quy định về điều kiện cấp phép đối với tổ chức nước ngoài: được thành lập theo quy định pháp luật là chưa rõ ràng. Do vậy, cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam. Ví dụ như việc cấp phép cho hãng hàng không nước ngoài vận chuyển vật liệu hạt nhân quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam sẽ không thể thực thi theo chính sách này.

b) *Vấn đề 2*: Luật NLNT 2008 không quy định về một số loại hình công việc bức xạ như hoạt động thử nghiệm thiết bị bức xạ. Trong thực tế, hoạt động này ngày càng có nhu cầu ứng dụng ở Việt Nam (các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm thiết bị bức xạ trong X-quang chẩn đoán y tế,...). Vì vậy, Luật NLNT 2008 cần hoàn thiện, sửa đổi và cập nhật bổ sung các loại hình thực tế đang phát sinh để Luật có thể đi vào thực tiễn.

c) *Vấn đề 3*: Liên quan đến việc vận chuyển vật liệu phóng xạ:

Kiểm soát vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ theo quy định tại Điều 64. Kiểm soát an toàn đối với vận chuyển quá cảnh vật liệu phóng xạ và hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân. “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép và phải chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền*”.

Khoản 1 Điều 9 Nghị định 07/2010/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NLNT 2008 quy định “*Việc vận chuyển vật liệu phóng xạ quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam phải được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép sau khi đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản*”.

Tuy nhiên, qua việc triển khai thực tế, việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản có thể là không cần thiết và quá khắt khe. Do vậy, chỉ sửa đổi các quy định này và chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển

quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân phải xin ý kiến của Thủ tướng.

2. Mục tiêu của chính sách

a) Góp phần thúc đẩy khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đầu tư vào hoạt động trong lĩnh vực NLNT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

Đối với Vấn đề 1: Liên quan đến các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam: Cần quy định rõ yêu cầu về thành lập đối với các tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ ở Việt Nam.

Đối với Vấn đề 2: Bổ sung một số loại hình công việc bức xạ vào danh mục các công việc bức xạ tại Điều 18 Luật NLNT 2008 ví dụ như loại hình thử nghiệm thiết bị bức xạ.

Đối với Vấn đề 3:

Cần xem xét loại bỏ các quy định không hợp lý trong thực tiễn như là “việc vận chuyển quá cảnh các nguồn phóng xạ kín nhóm 2, 3, 4 và 5 phải được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bằng văn bản”, chỉ cần thiết quy định việc xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ vận chuyển quá cảnh đối với nguồn phóng xạ nhóm 1, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân, nhiên liệu hạt nhân.

4. Đánh giá tác động các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) *Tác động về kinh tế*

* Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

* Chi phí: Vì chưa có quy định cụ thể đối với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoạt động ở Việt Nam nên nhiều hoạt động ứng dụng NLNT không thể triển khai. Một số dự án về đầu tư ứng dụng NLNT như sản xuất, lắp ráp và thử nghiệm thiết bị bức xạ không thể triển khai. Các quy định về xin ý kiến Thủ tướng bằng văn bản đối với việc quá cảnh các nguồn phóng xạ nhóm 2, 3, 4, 5 dẫn đến việc gây

khó khăn cho các doanh nghiệp thực hiện các công việc kinh doanh ở các nước lân như (Lao, Campuchia).

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí, thời gian tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

* Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là không thực hiện được hoặc không thúc đẩy ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

a) Tác động về kinh tế

* Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này. Tạo tiền đề thuận lợi cho việc thúc đẩy các ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

* Chi phí: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

* Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

* Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn **Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy phép.

VI.3. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ

1. Xác định vấn đề bất cập

Chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT về đăng ký, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT hiện nay theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật NLNT 2008. Qua thực tiễn triển khai đã xuất hiện các bất cập sau:

Một số quy định về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT: Theo Luật Giá năm 2012, *định giá* ((Điều 68 Luật NLNT 2008) không phải là một loại hình dịch vụ. Về điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT (Điều 69): Quy định có ít nhất 02 người có chứng chỉ hành nghề còn lỏng lẻo (không quy định cơ hữu, hợp đồng dài hạn, hợp đồng thời vụ, hợp đồng vụ việc); Quy định giao Bộ KH&CN quy định về đăng ký hoạt động; cấp chứng chỉ hành nghề không phù hợp với thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư 2020.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy định này, cũng như theo kinh nghiệm quốc tế thì loại hình dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT về bản chất là tiến hành công việc bức xạ nên sẽ chuyển sang quy định về cấp giấy phép. Đồng thời theo kinh nghiệm quốc tế, việc cấp giấy đăng ký cũng xem xét như là cấp giấy phép nhưng tối giản hồ sơ và thủ tục hành chính. Vì vậy cần xem xét bổ sung quy định về “cấp giấy đăng ký theo kinh nghiệm quốc tế” này vào Luật NLNT 2008.

2. Mục tiêu của chính sách

Góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, đóng góp tích cực trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất, chất lượng sản xuất kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy đăng ký. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể: Chuyển các quy

định về cấp giấy đăng ký hiện hành về quy định cấp giấy phép. Đồng thời quy định cụ thể một số loại hình công việc bức xạ thay vì phải thực hiện quy định về cấp giấy phép thì chỉ cần thực hiện quy định về “cấp giấy đăng ký theo kinh nghiệm quốc tế”.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

- Chi phí: Vì chưa có quy định cụ thể về “*cấp giấy đăng ký theo kinh nghiệm quốc tế*” nên một số hoạt động vẫn phải tuân thủ quy định về cấp giấy phép dẫn đến lãng phí nguồn lực cho xã hội để thực thi các quy định này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Thủ tục hành chính không hợp lý, làm tăng chi phí, thời gian tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân gặp khó khăn, không thúc đẩy ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy đăng ký.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này. Tạo tiền đề thuật lợi cho việc thúc đẩy các ứng dụng NLNT vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Chi phí: Giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính theo giải pháp này.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

- Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

- Góp phần giảm chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn **Phương án 2. Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy đăng ký** là phù hợp. Bộ KH&CN đề xuất lựa chọn Phương án 2.

VI.4. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CẤP CHỨNG CHỈ NHÂN VIÊN BỨC XẠ

1. Xác định vấn đề bất cập

Vấn đề 1: Các công việc cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ: Theo quy định tại khoản 1, Điều 28. “*Người đảm nhiệm một trong các công việc sau đây phải có chứng chỉ nhân viên bức xạ: Kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân; Trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân; Người phụ trách an toàn; Người phụ trách tẩy xạ; Người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; Người quản lý nhiên liệu hạt nhân; Nhân viên vận hành lò phản ứng hạt nhân; Nhân viên vận hành máy gia tốc; Nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ; Nhân viên sản xuất đồng vị phóng xạ; Nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp*”. Trong thực tế có những loại hình như: nhân viên phân liều dược chất phóng xạ tại các khoa Y học hạt nhân của các Bệnh viện; nhân viên sử dụng các thiết bị đo hạt nhân di động (ví dụ như: thiết bị đo độ ẩm, độ chặt nền đường, đất đá, bê tông; thiết bị địa vật lý giếng khoan) không được quy định phải có chứng chỉ nhân viên bức xạ. Tuy nhiên, đối với các nhân viên trên khi tiến hành công việc bức xạ thì liều họ nhận được cao tương tự như chụp ảnh phóng xạ công nghiệp. Ngoài ra, các chức danh như “*Kỹ sư trưởng lò phản ứng hạt nhân; Trưởng ca vận hành lò phản ứng hạt nhân*” hiện không có trong hệ thống lò ứng hạt nhân của Nga cũng như ở một số quốc gia mà là một chức danh khác.

Vấn đề 2: Về việc công nhận chứng chỉ nhân viên bức xạ và một số tài liệu khác do tổ chức nước ngoài cấp: Theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 33 về Trách nhiệm quy định chi tiết về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh các nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân. Bộ KH&CN có trách nhiệm quy định và hướng dẫn “*Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ, thời hạn của chứng chỉ, việc gia hạn chứng chỉ nhân viên bức xạ và việc công nhận chứng chỉ nhân viên bức xạ do tổ chức nước ngoài cấp*”. Hiện nay, một số loại hình Việt Nam chưa đào tạo được (ví dụ: lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa máy gia tốc, thiết bị xạ trị áp sát,...) phải công nhận chứng chỉ đào tạo của các tổ chức nước ngoài. Ngoài ra, đối với một số tổ chức nước ngoài tiến hành công việc bức xạ tại Việt Nam, khi thực hiện việc cấp phép, cơ quan quản lý cũng phải công nhận một số tài liệu do tổ chức nước ngoài cấp (ví dụ: kế hoạch ứng phó sự cố).

2. Mục tiêu của chính sách

Góp phần giải quyết các bất cập, tháo gỡ các vướng mắc và hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên bức xạ và cơ quan quản lý nhà nước.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể:

Đối với Vấn đề 1: Cần rà soát và quy định lại các công việc cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ theo thực tế và kinh nghiệm quốc tế.

Đối với Vấn đề 2: Cần rà soát và bổ sung quy định, hướng dẫn về việc công nhận chứng chỉ nhân viên bức xạ, các tài liệu do tổ chức nước ngoài cấp.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.
- Chi phí: Không.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Không tác động đến thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.

- Tiêu cực: Khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân gặp khó khăn.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp giấy đăng ký.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này.

- Chi phí: Không phát sinh thêm chi phí thực hiện.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

4.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn **Phương án 2:** Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ là phù hợp. Bộ KH&CN đề xuất chọn Phương án 2.

VI. 5. HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ ỨNG DỤNG NLNT

1. Xác định vấn đề bất cập

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT được quy định tại Điều 70 Luật NLNT 2008. Qua thực tiễn triển khai cho thấy còn thiếu quy định về thời hạn của Chứng chỉ hành nghề. Đồng thời Luật quy định người có Chứng chỉ hành nghề này phải thường xuyên cập nhật kiến thức liên quan nhưng văn bản dưới Luật chưa có hướng dẫn cụ thể, quy định này còn khá chung chung và khó thực thi trong thực tế.

2. Mục tiêu của chính sách

Góp phần giải quyết các bất cập, tháo gỡ các vướng mắc và hoàn thiện các quy định pháp luật về cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân có nhu cầu hành nghề và cơ quan quản lý nhà nước; bảo đảm giá trị của Chứng chỉ này.

3. Các giải pháp đề xuất

3.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật NLNT 2008 và giữ nguyên các văn bản hướng dẫn như hiện nay.

3.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp chứng chỉ hành nghề ứng dụng NLNT. Theo đó, Luật NLNT (sửa đổi) cần quy định cụ thể về thời hạn của Chứng chỉ này.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1: Giữ nguyên chính sách đề cập trong Luật và giữ nguyên các văn bản dưới Luật như hiện nay.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.
- Chi phí: Không.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Không tác động đến thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật.
- Tiêu cực: Khó khăn trong vấn đề quản lý, bảo đảm chất lượng trong các hoạt động ứng dụng NLNT.

4.2. Phương án 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp chứng chỉ hành nghề ứng dụng NLNT.

a) Tác động về kinh tế

- Lợi ích: Không phát sinh thêm chi phí mới để thực hiện theo giải pháp này.

- Chi phí: Không phát sinh thêm chi phí thực hiện.

b) Tác động về xã hội

Không tác động đến các vấn đề về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, di sản, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

c) Tác động về giới

Không tác động đến vấn đề giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Hoàn thiện tính hợp pháp, hợp lý của thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật. Tăng khả năng thi hành và tuân thủ các quy định theo Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhất quán, hợp lý trong công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tiêu cực: Phải sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật (quy định trong Luật và văn bản dưới luật).

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích ở trên, việc lựa chọn *Giải pháp 2: Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về cấp chứng chỉ hành nghề ứng dụng NLNT* là phù hợp.

VI.6. BỔ SUNG QUY ĐỊNH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO TRONG LĨNH VỰC NLNT

1. Xác định vấn đề bất cập

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm là công cụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực NLNT (NLNT), lĩnh vực có tính đặc thù, gắn liền với công tác bảo đảm an toàn bức xạ và hạt nhân. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT tại Luật NLNT 2008 từ còn rất hạn chế, mới chỉ được đề cập trong phần chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân (khoản 4 Điều 8 của Luật NLNT 2008). Công tác thanh tra và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực NLNT thời gian qua chủ yếu được thực hiện trên cơ sở quy định của Luật Thanh tra, Luật Xử lý vi phạm hành chính và đang thiếu quy định đặc thù đối với hoạt động thanh tra

chuyên ngành về ATBXHN, chưa đáp ứng khuyến cáo của Cơ quan NLNT Quốc tế (IAEA) tại Luật mẫu và các yêu cầu quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như Công ước An toàn hạt nhân; Công ước Quốc tế về ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân;...), các quy định này bao gồm:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra ATBXHN, trong đó có những thẩm quyền quan trọng, được áp dụng tức thời nhằm ngăn chặn sự cố bức xạ, hạt nhân, bảo đảm an toàn cho con người và môi trường;

- Điều kiện trang thiết bị, nhân lực thực hiện công tác thanh tra; yêu cầu đối với thanh tra viên;

- Nội dung, hình thức, tần suất, quy trình thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ATBXHN.

Việc thiếu các quy định trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về ATBXHN, đặc biệt là các cơ quan thanh tra tại địa phương (Thanh tra Sở KH&CN), đa phần các cơ quan này thiếu nhân lực, thiếu trang thiết bị hoặc đã có nhưng không đáp ứng yêu cầu (thanh tra viên chưa được đào tạo chuyên môn về ATBX, trang thiết bị lạc hậu, không phù hợp). Chưa có sự đồng bộ, thống nhất về nội dung thanh tra, quy trình thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan thanh tra khác nhau và giữa các địa phương.

Ngoài ra, hoạt động khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT chưa được quy định trong Luật NLNT 2008 qua đó thể hiện sự chưa đồng bộ với các luật có liên quan của Việt Nam đã được ban hành trong thời gian qua (như Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, Luật Tố cáo số 25/2018/QH-14, ...).

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định đặc thù về hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT (bao gồm: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện nhân lực và trang thiết bị kỹ thuật của cơ quan thanh tra về ATBXHN; nội dung, tần suất, quy trình của hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về ATBXHN) nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước nhằm triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT trên phạm vi cả nước.

- Đáp ứng đầy đủ quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đáp ứng khuyến cáo của IAEA đối với hoạt động thanh tra và xử lý vi phạm, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan (Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Xử lý vi phạm hành chính...) để tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình thực thi, áp dụng.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Phương án 1:

Bổ sung đầy đủ các quy định đặc thù đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT, trong đó bao gồm:

- Quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc chỉ đạo, tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT. Quy định các nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù của cơ quan thanh tra về ATBXHN ngoài nhiệm vụ, quyền hạn đã có theo quy định của pháp luật về thanh tra nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả công tác thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT, ngăn chặn sớm sự cố bức xạ và hạt nhân như: yêu cầu, kiến nghị tổ chức, cá nhân thực hiện khẩn cấp biện pháp khắc phục trong trường hợp phát hiện vi phạm, có dấu hiệu mất an toàn, an ninh, không bảo đảm chất lượng dịch vụ; xác minh, xử lý vi phạm, phối hợp điều tra, chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra trong trường hợp có sự cố bức xạ và hạt nhân theo thẩm quyền; quy định các hành vi vi phạm trong lĩnh vực NLNT²²...

- Quy định về nội dung, hình thức, tần suất, quy trình thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân. Đặc biệt là bổ sung hình thức thanh tra, kiểm tra đặc thù đối với lĩnh vực này theo khuyến cáo của quốc tế cần phải có như: thanh tra thường xuyên đối với nhà máy điện hạt nhân; thanh tra, kiểm tra đột xuất không cần báo trước trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ gây mất an toàn bức xạ và hạt nhân, trường hợp có sự cố bức xạ²³.

- Quy định tiêu chuẩn đối với thanh tra viên trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về ATBXHN, việc trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho cơ quan thanh tra để bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm²⁴⁻²⁵.

- Quy định về hoạt động khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực NLNT.

- Các quy định chi tiết mang tính kỹ thuật đối với các nội dung nêu trên sẽ được quy định trong văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật (Nghị định, Thông tư của Bộ KH&CN).

3.2. Phương án 2:

Bổ sung quy định đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực NLNT nhưng ở mức quy định chung và chủ yếu trích dẫn đến quy định trong các Luật hiện hành có liên quan như: Luật thanh tra, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Khiếu nại, Luật tố cáo. Các quy định đặc thù sẽ được ban hành ở văn bản dưới luật.

3.3. Phương án 3:

Giữ nguyên như quy định hiện hành.

²² Mục 3.4 và 3.5 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law -2010)

²³ Mục 3.4.1 Luật mẫu của IAEA (Handbook on Nuclear Law-2010)

²⁴ Mục 3.4.1 Luật mẫu của Cơ quan NLNT Quốc tế (IAEA Handbook on Nuclear Law)

²⁵ Điểm 22 mục II Bộ Quy tắc bảo đảm an toàn và an ninh nguồn phóng xạ của IAEA

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Phương án 1

a) Tác động đối với kinh tế:

Không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp. Tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho phép các cơ quan thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân đầu tư tập trung về nguồn lực con người, thiết bị tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

b) Tác động đối với xã hội:

- Đối với nhà nước:

Giải pháp này tạo cơ sở pháp lý rõ ràng, quy định rõ vai trò và trách nhiệm của cơ quan thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực NLNT. Việc minh bạch trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các chế tài xử lý khi có vi phạm sẽ có tính chất răn đe các hành vi vi phạm, góp phần bảo đảm kỷ cương, tăng nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ATBXHN, bảo đảm các ứng dụng NLNT tại Việt Nam an toàn, bảo đảm an ninh quốc gia và ổn định xã hội.

- Đối với doanh nghiệp và người dân:

Giải pháp này phát huy được vai trò giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

Người dân, doanh nghiệp tin tưởng, đẩy mạnh ứng dụng NLNT trong nước góp phần phát triển kinh tế đất nước, phục vụ nhu cầu người dân và xã hội (hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khám chữa bệnh...).

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- *Tích cực*: Tạo khung pháp lý hoàn thiện, giúp cơ quan có thẩm quyền thuận lợi hơn trong việc áp dụng Luật và tổ chức thực hiện trên thực tế; bảo đảm làm tốt được vai trò quản lý nhà nước về ATBXHN, đặc biệt là triển khai hiệu quả, đồng bộ công tác thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT trên cả nước; đáp ứng quy định tại các điều ước quốc tế Việt Nam là nước thành viên; đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan.

- *Hạn chế*: giải pháp này không có hạn chế.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

e) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

4.2. Phương án 2

a) Tác động đối với kinh tế:

Giải pháp này không phát sinh chi phí mới để thực hiện giải pháp.

b) Tác động đối với xã hội:

Các quy định cơ bản trong Luật làm căn cứ, định hướng để xây dựng các văn bản dưới luật, qua đó nâng cao tính minh bạch liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT. Qua đó tăng tính giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, góp phần đẩy mạnh các ứng dụng NLNT để phát triển kinh tế, xã hội.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- *Tích cực*: Tạo khung pháp lý cơ bản, giúp cơ quan có thẩm quyền thuận lợi hơn trong việc áp dụng Luật, bảo đảm sự đồng bộ giữa các luật có liên quan; cấu trúc văn bản luật ngắn gọn.

- *Hạn chế*: Do thiếu các quy định chi tiết, đặc thù trong luật sẽ chưa đáp ứng được các vấn đề thực tiễn đặt ra và khuyến cáo của quốc tế nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả, thống nhất công tác thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT; giải pháp các quy định chi tiết trong lĩnh vực này được nêu trong văn bản dưới luật sẽ không không đáp ứng quy định của Luật Ban hành văn bản và có thể đi lệch hướng ban đầu sơ với quy định trong luật.

c) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

d) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

4.3. Phương án 3:

a) Tác động đối với kinh tế:

Giải pháp này không phát sinh chi phí để thực hiện các chính sách, quy định. Tuy nhiên, về lâu dài, có khả năng gây tăng chi phí phát sinh để giải quyết hậu quả của sự cố bức xạ và hạt nhân (nếu xảy ra).

b) Tác động đối với xã hội:

Việc thiếu quy định trong luật dẫn đến người dân và doanh nghiệp thiếu thông tin, khó phát huy được vai trò giám sát của người dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

c) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- *Tích cực*: Không cần điều chỉnh, sửa đổi hệ thống các văn bản dưới luật kèm theo.

- *Hạn chế*: Thiếu cơ sở pháp lý để cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền triển khai hiệu quả công tác thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực NLNT và nhiều bất cập khác như đã được phân tích tại mục 1 – xác định vấn đề bất cập của Báo cáo này.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Giải pháp này không phát sinh thủ tục hành chính mới.

e) Tác động về giới:

Giải pháp này không phát sinh các vấn đề liên quan đến giới.

5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ KH&CN kiến nghị lựa chọn **Phương án 1** để quy định cụ thể thành các nội dung của dự thảo Luật NLNT (sửa đổi).

C. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình xây dựng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với Đề nghị xây dựng Luật NLNT (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số .../BKHCN-ATBXHN ngày .../4/2024 để lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng như đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày.../.../2024) và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN (từ ngày.../.../2024) để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân liên quan.

Bộ KH&CN cũng đã tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi chính sách với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để làm rõ nội dung, các chính sách đề xuất trong Đề nghị xây dựng Luật; tổ chức khảo sát trực tiếp tại một số cơ sở bức xạ tại một số địa phương trong cả nước để ghi nhận những bất cập, ý kiến đánh giá, đề xuất về thực tiễn thi hành pháp luật Luật NLNT 2008.

Đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của ... cơ quan, gồm: ... Bộ, cơ quan ngang bộ; ... ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương; ... ý kiến của... Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ KH&CN nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI HÀNH

Việc tổ chức thi hành Luật NLNT (sửa đổi) liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành luật là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ KH&CN là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật NLNT (sửa đổi).

II. CƠ QUAN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật NLNT 2008 (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật, Vụ KGVX;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ATBXHN, PC.

BỘ TRƯỞNG